

LỜI MỞ ĐẦU

Khi nền kinh tế phát triển, ngày càng nhiều doanh nghiệp được hình thành hoạt động ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau nhằm đa dạng hoá ngành nghề. Đi liền với đó là sự phát triển, lớn mạnh trong lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp. Một công ty có thể tồn tại và phát triển được hay không phải nhờ vào tình hình tài chính của doanh nghiệp đó mà quan trọng nhất phải nói tới vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp có thể thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó quy mô của vốn bằng tiền rất lớn, rất phức tạp. Việc quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động kinh tế và việc kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán doanh nghiệp chia làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống thực sự có hiệu quả. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình vốn và nguồn vốn, tăng và giảm vốn... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của tiền vốn, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết đưa ra những quyết định tối ưu về đầu tư, chi tiêu trong tương lai. Thông qua nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách, về tình hình lưu chuyển tiền tệ, chúng ta còn biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Nhận thấy tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp, nó đánh giá sự lớn mạnh về mặt tài chính, khả năng cạnh tranh, tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế, trong thời gian thực tập tại công ty

TNHH Việt Chính em có cơ hội nghiên cứu và tiếp cận với thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp và đặc biệt trong lĩnh vực vốn bằng tiền của công ty nên em đã chọn đề tài làm khoá luận của mình để đi sâu nghiên cứu thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty và có một số ý kiến nhằm nâng cao công tác kế toán trong lĩnh vực này.

Bài khoá luận của em gồm 3 chương :

Chương 1: Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.

Nhờ có sự quan tâm giúp đỡ của Thạc sĩ Bùi Thị Thuý cùng với cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Việt Chính, kết hợp với học hỏi ở trường và sự nỗ lực của bản thân em đã hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp của mình, nhưng do thời gian có hạn và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế nên chuyên đề của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các thầy cô cũng như cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Việt Chính để bài khoá luận của em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÍ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền.

- Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp, tồn tại dưới hình thức tiền tệ. Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền bao gồm tất cả các loại tiền mặt tại quỹ doanh nghiệp, tiền đang gửi tại ngân hàng, các công ty tài chính và tiền đang chuyển kể cả tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý.

1.1.2. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, do vậy được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hoá để sản xuất kinh doanh, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

- Việc quản lý, sử dụng vốn bằng tiền là một khâu quan trọng nhất trong doanh nghiệp mà kế toán là một công cụ hiệu quả nhất. Do vậy kế toán cần thu thập thường xuyên, liên tục, xử lý kiểm tra, phân tích, cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn của mình.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền.

- Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng tiền gửi ngân hàng hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền. Thông qua việc ghi chép kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ,

phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.

1.1.4. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Việc quản lý vốn bằng tiền phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng, chi tiêu tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.5. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành để hạch toán, trừ trường hợp được phép sử dụng đơn vị tiền tệ thông dụng khác.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán. Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Bên có TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

- Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phải phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân

hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng bạc, kim khí quý đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị của vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán). Vàng bạc, đá quý nhận ký quỹ, ký cược theo giá nào thì xuất trả theo giá đó.

Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.

1. Chỉ phản ánh vào TK111 “ Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2. Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản - tiền của đơn vị.

3. Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập xuất quỹ đính kèm.

4. Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm, quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi, xuất nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5. Thủ quỹ chịu mọi trách nhiệm quản lý nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ

quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thì kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6. Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo 1 trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

- Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

7. Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc kim khí đá quý.

Ở các doanh nghiệp có vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Với vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ thủ tục về cân đong, đo đếm số lượng, trọng lượng, giám định chất lượng và tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ.

*Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán

- Biên bản kiểm kê
- Biên lai thu tiền
- Bảng kê chi tiền
- Bảng kê khai vàng bạc, kim khí quý, đá quý
- Một số chứng từ khác liên quan.

.....

- Phiếu thu: được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.
- Phiếu chi: được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.
- Giấy đề nghị tạm ứng: là căn cứ để xét duyệt tạm ứng làm thủ tục nhập phiếu chi và xuất quỹ cho tạm ứng.
- Giấy thanh toán tạm ứng: là chứng từ liệt kê các khoản tiền nhận tạm ứng và các khoản đã chi của người nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.
- Giấy đề nghị thanh toán: dùng trong các trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.
- Biên bản kiểm kê (dùng cho tiền Việt Nam) là bằng chứng xác nhận số tiền mặt Việt Nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa thiếu so với sổ quỹ, làm cơ sở xác định trách nhiệm vật chất và bồi thường cũng như làm căn cứ để điều chỉnh số tiền tồn quỹ trên sổ kế toán theo số tiền tồn quỹ thực tế.
- Biên lai thu tiền: là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ đồng thời để người nộp thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.
- Bảng kê chi tiền: là căn cứ để quyết định kinh phí cho đại biểu tham dự đại hội thảo tập huấn. Áp dụng cho các cuộc hội thảo, tập huấn diễn ra nhiều ngày, tiền chỉ thanh toán một lần vào ngày cuối hội thảo.

1.2.3. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 111 “ Tiền mặt” - dùng để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi,

tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

- Tài khoản 111 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 1111 “Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ của doanh nghiệp.

+ Tài khoản 1112 “Ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

+ Tài khoản 1113 “Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

* **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 “Tiền mặt”**

+ **Bên nợ:**

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý nhập quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

+ **Bên có:**

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý xuất quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

+ **Số dư bên nợ.**

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.4. Phương pháp hạch toán.

1.2.4.1. Các nghiệp vụ làm tăng vốn bằng tiền (Nợ tài khoản 111).

1. Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhập quỹ tiền mặt.

Nợ TK 111 : Số tiền thu nhập quỹ theo tổng giá thanh toán.

Có TK 511, 512 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : VAT đầu ra (DN tính VAT theo phương pháp khấu trừ)

2. Phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập bằng

tiền mặt nhập quỹ.

Nợ TK 111 : Tổng số tiền nhập quỹ

Có TK 515, 711 : Tổng thu nhập

Có TK 3331 : VAT đầu ra (nếu có)

3. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt

Nợ TK111 : Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 112 : Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ

4. Vay ngắn hạn, dài hạn, vay khác bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ).

Nợ TK 111 : Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 311, 341,.. : Vay ngắn hạn, dài hạn, vay khác

5. Thu hồi các khoản nợ phải thu về nhập quỹ.

Nợ TK 111 : Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 131 : Tăng do thu nợ của người mua (kể cả tiền ứng trước cho DN)

Có TK 136 : Tăng do thu hồi các khoản phải thu nội bộ

Có TK 1388 : Thu hồi các khoản cho vay tạm thời không tính lãi, các khoản phải thu khác.

Có TK 141: Tăng do thu hồi tạm ứng thừa nhập quỹ.

6. Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký quỹ, ký cược hoặc thu hồi các khoản cho vay nhập quỹ tiền mặt.

Nợ TK 111 : Tổng số tiền thu hồi nhập quỹ

Có TK 121, 128, 221, 222, 223, 228 : Vốn gốc

7. Thu hồi các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn.

Nợ TK 111 : Số tiền nhập quỹ tăng thêm.

Có TK 144, 244 : Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn được thu hồi lại.

8. Nhận các khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt, ngoại tệ:

Nợ TK 111 : Số tiền nhập quỹ

Có TK 3388 : Các khoản thu hộ, giữ hộ

Có TK 3386 : Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 344 : Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bằng tiền mặt

9. Các khoản tiền thừa quỹ tiền mặt thừa quỹ tiền mặt khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân.

Nợ TK 111 : Số tiền tăng thêm

Có TK 3381 : Kiểm kê quỹ thừa so với sổ sách chưa rõ nguyên nhân

10. Nhận được vốn do được giao, nhận vốn bằng tiền mặt.

Nợ TK 111 : Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 411: Tăng do phát hành và bán cổ phiếu, nhận cấp phát, tặng thưởng...

11. Nhận được tiền của Nhà nước thanh toán về các khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt.

Nợ TK 111 : Số tiền nhận được từ nhà nước

Có TK 3339 : Các khoản trợ cấp, trợ giá

1.2.4.2. Các nghiệp vụ làm giảm vốn bằng tiền (Ghi có TK 111)

1. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại ngân hàng.

Nợ TK 112 : xuất quỹ tiền mặt gửi vào TK ở ngân hàng (đã nhận được báo Có)

Có TK 111: số tiền thực tế xuất quỹ

2. Chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá về nhập kho.

Nợ TK 152, 153, 156, 157 ...: Giá mua nguyên liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá
(Nợ TK 1331) : VAT đầu vào

Có TK 111 (1111) : Tổng giá thanh toán

3. Chi mua nguyên vật liệu đưa ngay vào sản xuất kinh doanh, không nhập kho.

Nợ TK 621, 623, 627, 641, 642 : Tổng chi chưa có VAT

(Nợ TK 1331) : VAT đầu vào

Có TK 111 : Tổng giá thanh toán

4. Xuất quỹ tiền mặt mua tài sản cố định đưa ngay vào sử dụng.

Nợ TK 211, 213 : Giá mua TSCĐ

(Nợ TK 1332) : VAT đầu vào

Có TK 111 : Tổng giá thanh toán

5. Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh.

Nợ TK 121, 221, 222, 223, 228 : Vốn gốc

Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ

6. Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược.

Nợ TK 144, 244 : Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ

7. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả.

Nợ TK 311, 315, 331, 333, 334, 336, 338 : Các khoản nợ

Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ

8. Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác.

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Nợ TK 811 : Chi phí khác

Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ

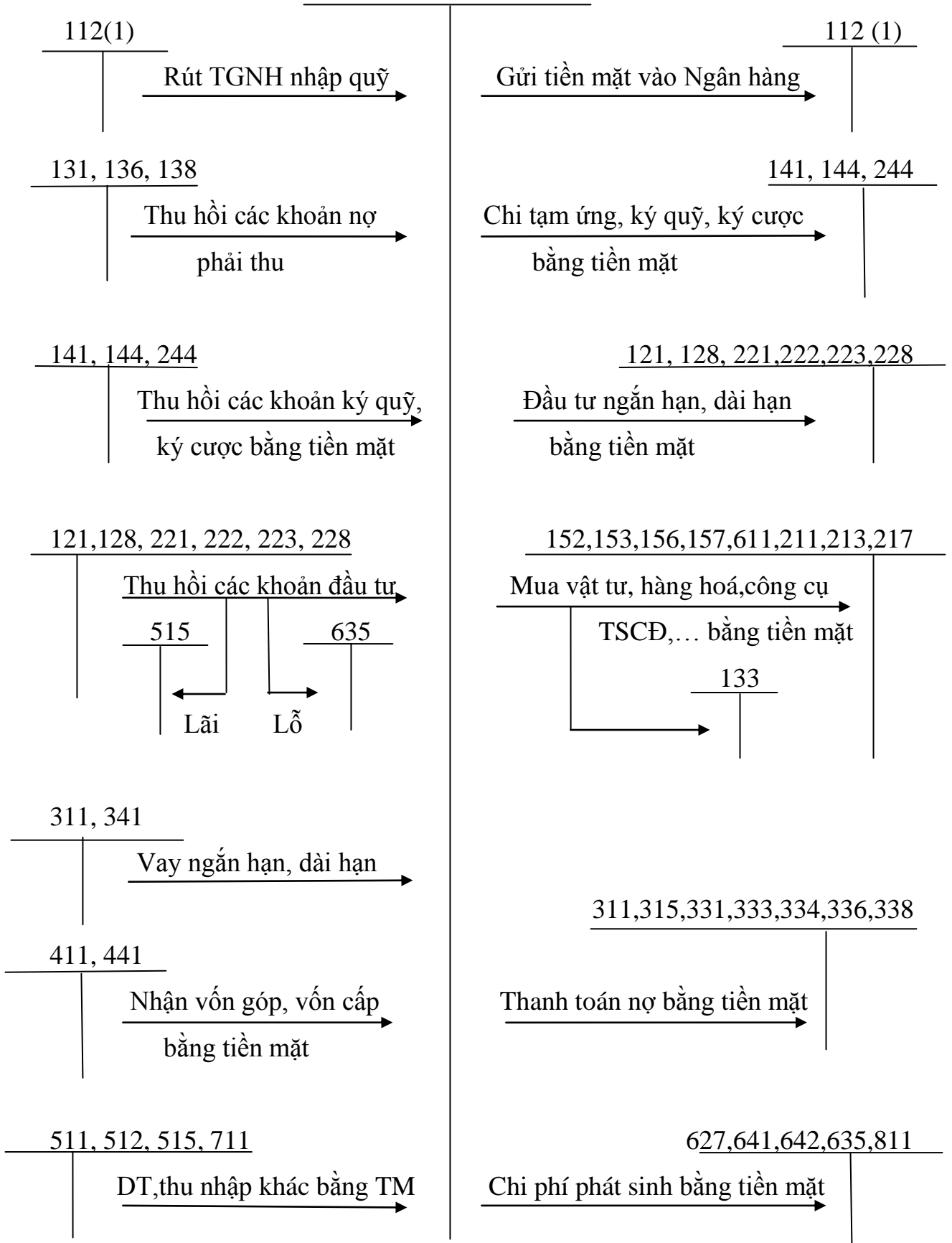
9. Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân.

Nợ TK 1381 : Kiểm kê quỹ thiếu so với sổ sách chưa rõ nguyên nhân

Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ

SƠ ĐỒ 1 : KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VND)

TK 111(1111)



1.2.4.3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

* Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt trong giai đoạn sản xuất kinh doanh.

- Khi mua hàng hoá, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ.

+ Nợ TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133

(Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112 : Theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

+ Nợ TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133

(Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 1112 : Theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái.

Đồng thời ghi Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại ”

- Khi nhận vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ của nhà cung cấp hoặc vay ngắn hạn, dài hạn,...

+ Nợ các TK liên quan (theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 331, 311, 341, 342, 336... (theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

- Khi thanh toán nợ phải trả

+ Nợ TK 331, 315, 311, 336, 341, 342, ... Tỷ giá ghi sổ

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 331, 315, 311, 336, 341, 342, ... Tỷ giá ghi sổ

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái.

Đồng thời ghi Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại ”.

- Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt:

+ Nợ TK 1112: Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng

Có TK 511, 515, 711... Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng.

Đồng thời ghi Nợ TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ

+ Nợ TK 1112 : Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131, 136, 138 ...: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 1112 : Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 131, 136, 138 ...: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Nợ TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

* Kế toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động).

- Khi mua ngoài vật tư, dịch vụ, tài sản cố định, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt do người bán hoặc bên nhận thầu bàn giao.

+ Nợ TK 151, 152, 211, 213, 241: Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 4132 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 151, 152, 211, 213, 241: Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 4132 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

- Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ

+ Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 4132 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 4132 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

* Hàng năm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (giai đoạn trước hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (TK 4132) cho đến khi hoàn thành xây dựng cơ bản và được hạch toán theo quy định.

* Kê toán chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản ngoại tệ là tiền mặt khi đánh giá lại cuối năm.

+ Phát sinh lãi tỷ giá cuối năm:

Nợ TK 1112

Có TK 413

+ Phát sinh lỗ tỷ giá cuối năm:

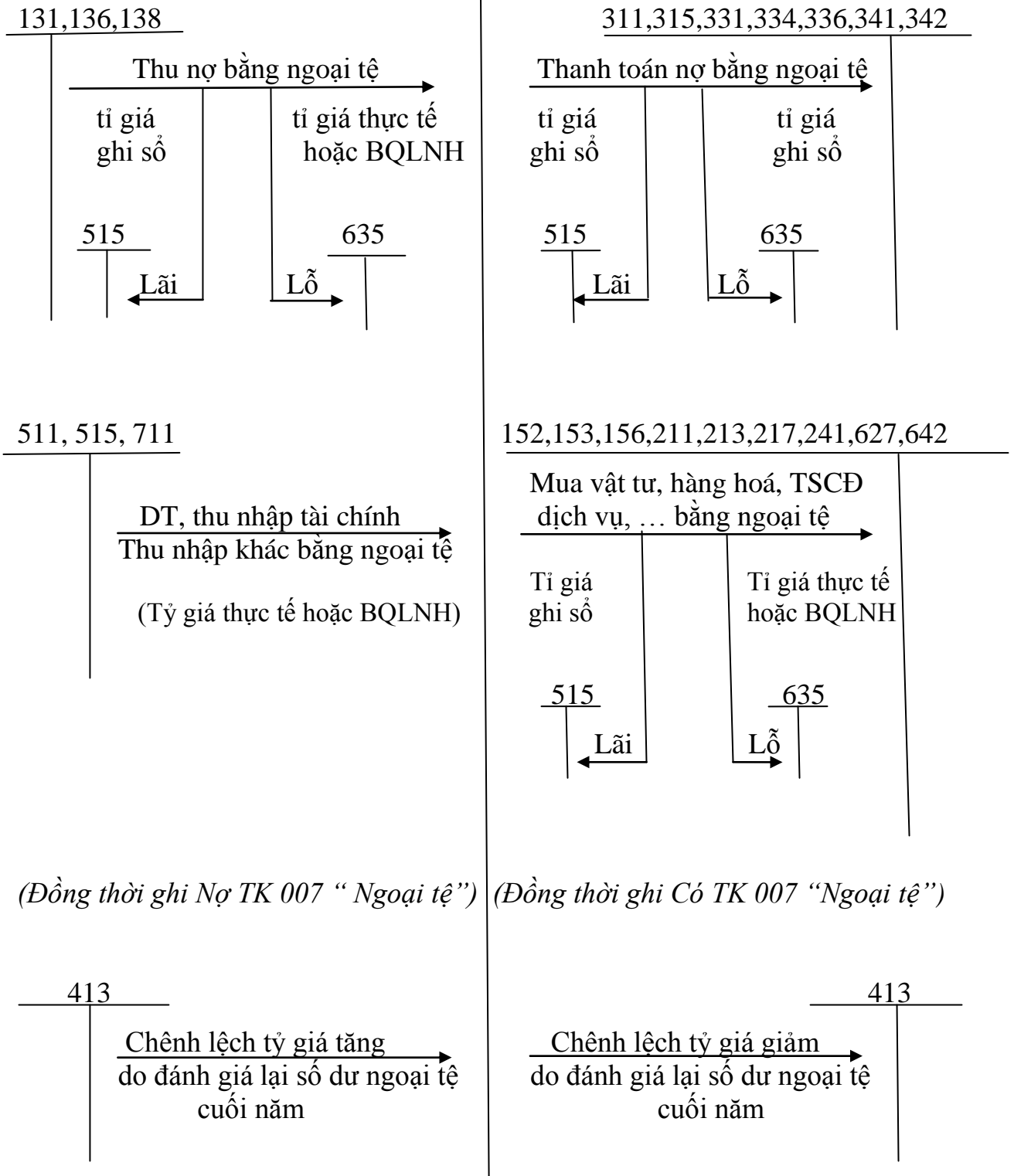
Nợ TK 413

Có TK 1112

SƠ ĐỒ 2 : KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)

(Giai đoạn đang sản xuất, kinh doanh)

111 (1112)



1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng.

1. Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” là các giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...)

2. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bảng sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng).

Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác minh nguyên nhân và điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3. Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

4. Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi ngân hàng ở từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

5. Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo theo tỷ giá mua phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt

Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ sách kế toán TK 1122 theo 1 trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

6. Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

7. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132)

1.3.2. Chứng từ sử dụng.

Các chứng từ sử dụng hạch toán tiền gửi ngân hàng bao gồm:

- Giấy báo Nợ: là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- Giấy báo Có: là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.
- Bảng sao kê của ngân hàng : là thông báo chi tiết về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp
- Các chứng từ kèm theo (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển tiền, séc bảo chi,...)

1.3.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng của doanh nghiệp.

TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1121 “Tiền Việt Nam” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- TK 1122 “Ngoại tệ” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- TK 1123 “Vàng bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí

quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

* Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112 “ Tiền gửi ngân hàng”

- Bên nợ:

+Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.

+Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

- Bên có:

+Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.

+Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

- Số dư bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

1.3.4. Phương pháp hạch toán.

1.3.4.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng.

1. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại ngân hàng.

Nợ TK 112

Có TK 111

2. Nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của ngân hàng.

Nợ TK 112

Có TK 113

3. Khách hàng trả nợ hoặc ứng trước cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112

Có TK 131

4. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 112

Có TK 144, 244

5. Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng chuyển khoản

Nợ TK 112

Có TK 411

6. Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112

Có TK 334, 338

7. Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112

Có TK 121, 128 : Góp vốn

Có TK 515 : Lãi

(Có TK 33311)

8. Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112

Có TK 511, 515, 711

(Có TK 3331)

9. Thu lãi tiền gửi Ngân hàng.

Nợ TK 112

Có TK 515

1.3.4.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng.

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

Nợ TK 111

Có TK 112

2. Chuyển tiền gửi ngân hàng đi ký quỹ, ký cược (ngắn hạn, dài hạn).

Nợ TK 144, 244

Có TK 112

3. Chuyển tiền gửi ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn.

Nợ TK 121, 128

Có TK 112

4. Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hoá về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bằng tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 152, 153, 156, 157,...

(Nợ TK 1331)

Có TK 112

5. Trả tiền mua tài sản cố định, bất động sản đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

Nợ TK 211, 213, 217, 221, 222, 228, 241,...

(Nợ TK 1332)

Có TK 112

6. Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản.

Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342,...

Có TK 112

7. Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp, ... bằng tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 411, 421, 414, 415, 418,...

Có TK 112

8. Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản.

Nợ TK 521, 531, 532

Nợ TK 33311

Có TK 112

9. Chi bằng tiền gửi ngân hàng liên quan đến các khoản chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

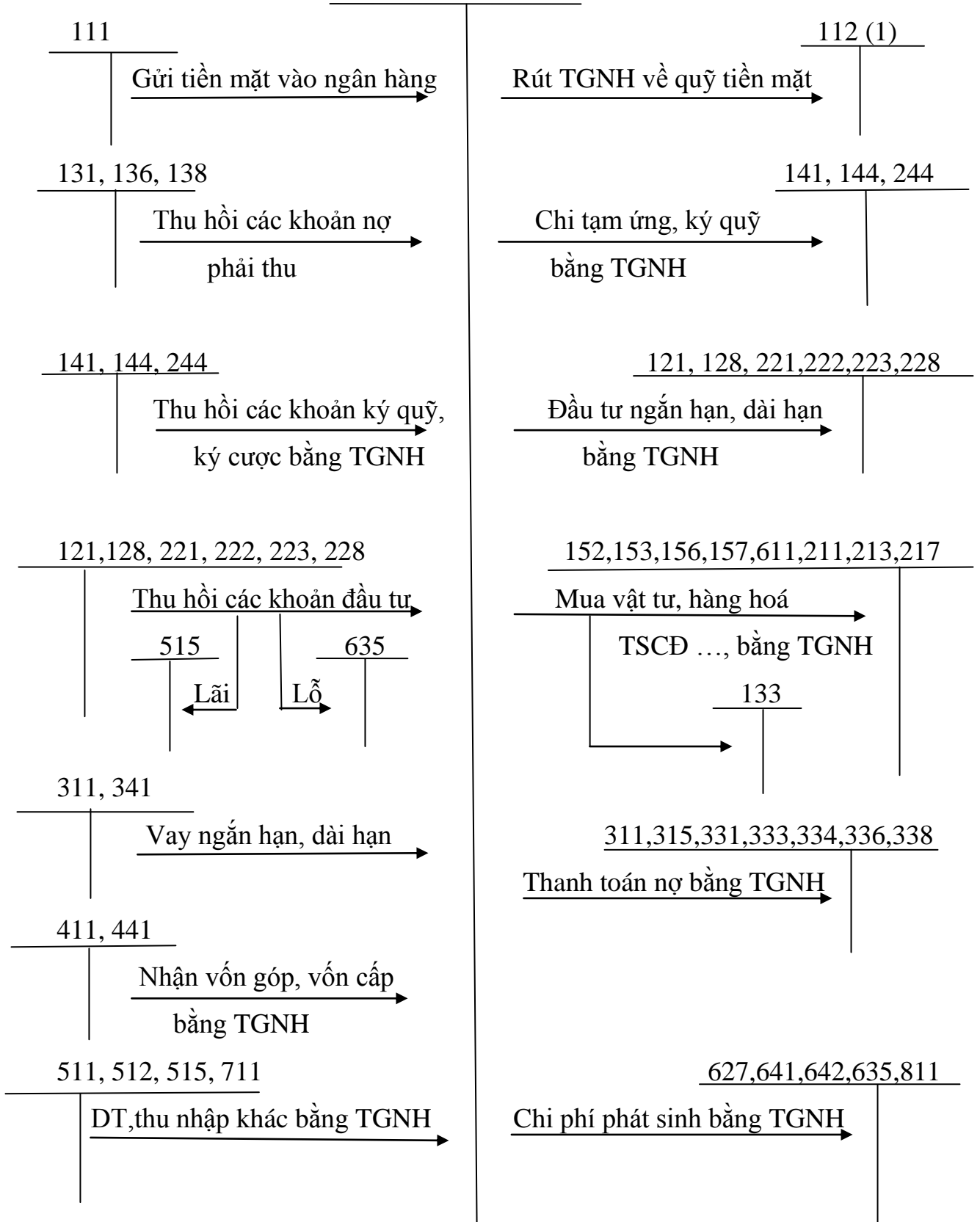
Nợ TK 623, 627, 641, 642, 635, 811.

Nợ TK 1331

Có TK 112

SƠ ĐỒ 3 : KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)

TK 112(1121)



1.3.4.3. Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ.

* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Khi mua vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ... thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng ngoại tệ.

+ Nợ TK 151, 152, 153, 156, 211, 213, 241, 632, 627, 641, 642, 133,...

(Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1122 : Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 151, 152, 153, 156, 211, 213, 241, 632, 627, 641, 642, 133,...

(Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 1122 : Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

-Thanh toán nợ phải trả

+ Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1122 : Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 1122 : Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

- Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ

Nợ TK 1122: Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng.

Có TK 511, 515, 711,... : Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng.

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007- “Ngoại tệ các loại”

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ

+ Nợ TK 1122 : Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131, 136, 138, ... Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007- “Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 1122 : Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Có TK 131, 136, 138, ... Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007- “Ngoại tệ các loại”

* Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động)

- Khi mua ngoài hàng hoá dịch vụ, tài sản cố định, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt do người bán hoặc bên nhận thầu bàn giao:

+ Nợ TK 151, 152, 211, 213,241,... Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ TK 4132: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 151, 152, 211, 213,241,... Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Có TK 4132: Lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

- Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ.

+ Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 4132: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342,... Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 4132: Lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “Ngoại tệ các loại”

- Hàng năm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (giai đoạn trước hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413 - “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và được xử lý theo quy định.

* Kế toán đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132, của hoạt động sản xuất kinh doanh vào TK 4131.

+Nếu Phát sinh lãi tỷ giá hối đoái

Nợ TK 1122

Có TK 413

+Nếu Phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái

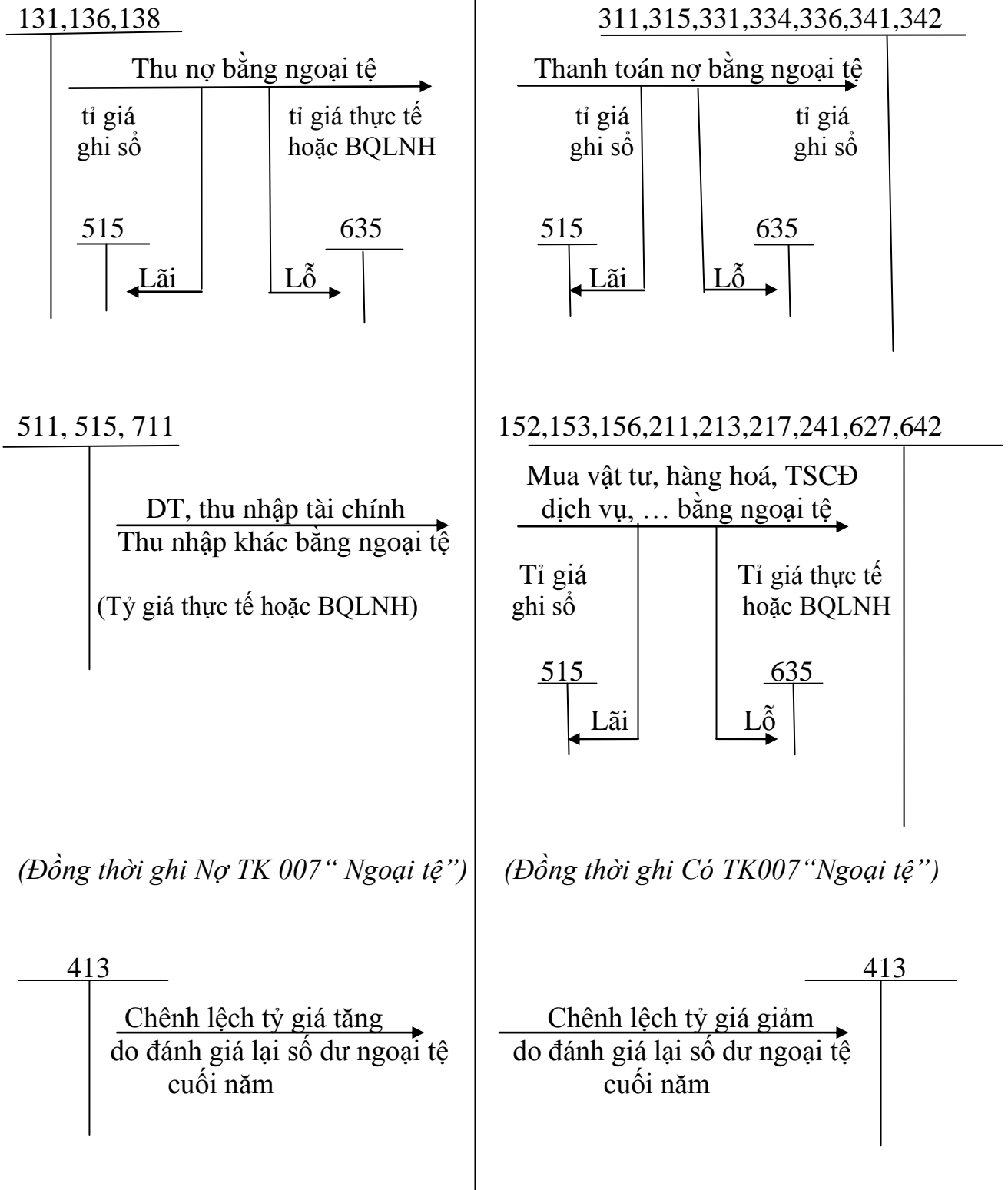
Nợ TK 413

Có TK 1122

SƠ ĐỒ 4 : KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)

(Giai đoạn đang sản xuất, kinh doanh)

112 (1122)



1.4. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có; trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm: tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc nhà nước.

1.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ khác liên quan

1.4.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 113 “Tiền đang chuyển” có 2 tài khoản cấp 2.

- TK 1131 - Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- TK 1132 - Ngoại tệ: phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113.

+ Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ Bên có:

- Số kết chuyển vào TK 112 – “ Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ Số dư bên nợ: Khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

1.4.3. Phương pháp hạch toán.

1.4.3.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển.

1. Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Nợ TK 113

Có TK 131, 331, 511, 512, 515, 711...

2. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Nợ TK 113

Có TK 111

3. Làm thủ tục chuyển tiền từ TK của ngân hàng cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

Nợ TK 113

Có TK 112

4. Khách hàng chuyển trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng.

Nợ TK 113

Có TK 131

5. Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá tăng.

Nợ TK 113

Có TK 413

1.4.3.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền đang chuyển.

1. Ngân hàng báo Có các khoản tiền đang chuyển đã chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị.

Nợ TK 112

Có TK 113

2.Ngân hàng báo nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 331

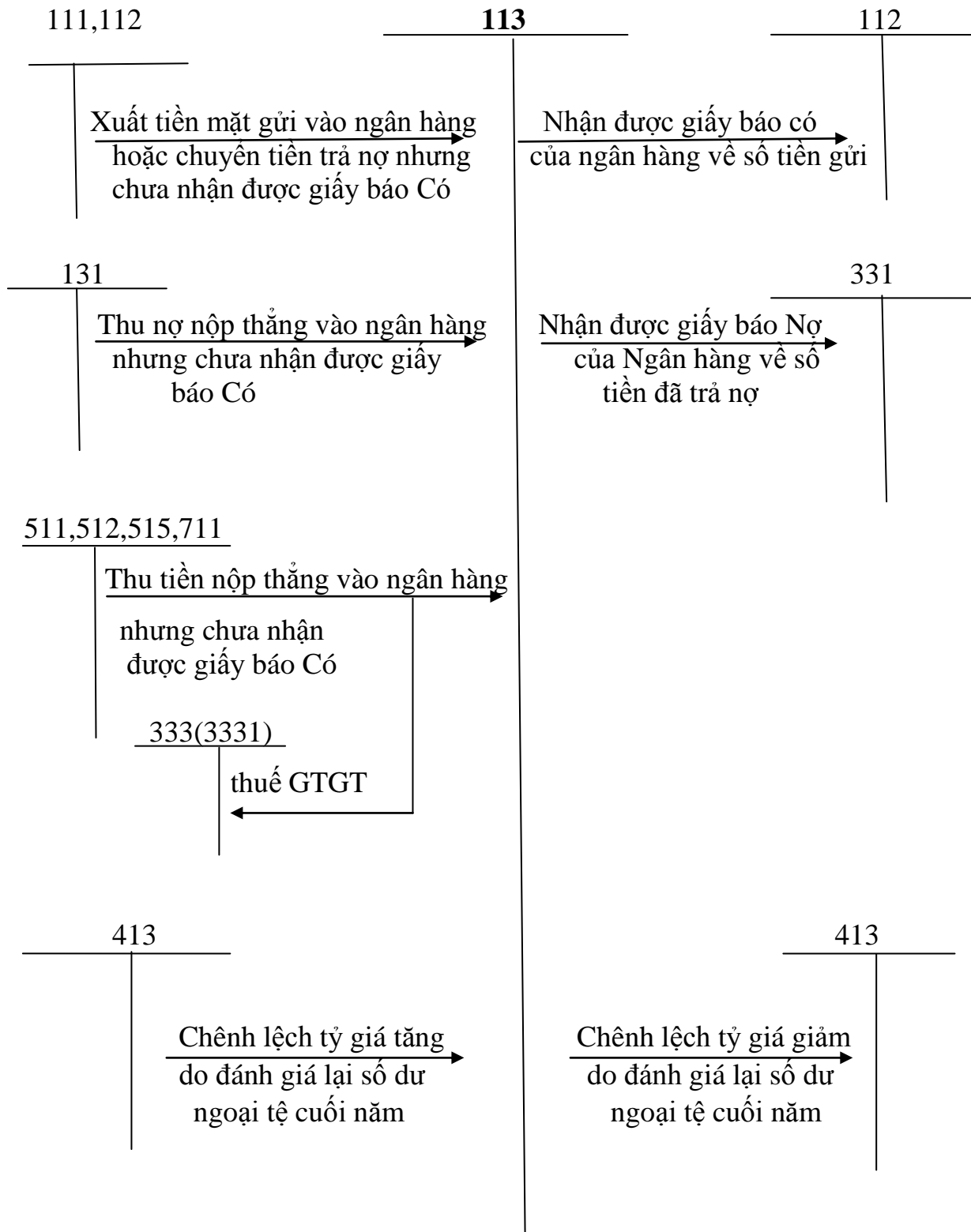
Có TK 113

3.Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá giảm.

Nợ TK 413

Có TK 113

SƠ ĐỒ 5: KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN.



1.5. Các sổ kế toán sử dụng liên quan tới kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung.

* Các sổ chi tiết.

- Sổ quỹ tiền mặt: dùng cho thủ quỹ để phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ bằng tiền Việt Nam của đơn vị.

- Sổ kế toán chi tiết tiền mặt: dùng cho kế toán tiền mặt theo dõi tình hình thu, chi tiền tại quỹ và định kỳ kế toán kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ kế toán chi tiết tiền mặt với Sổ quỹ tiền mặt.

- Sổ tiền gửi ngân hàng: dùng cho kế toán theo dõi chi tiết tiền Việt Nam của doanh nghiệp gửi tại Ngân hàng. Mỗi ngân hàng có mở tài khoản tiền gửi thì được theo dõi riêng trên một quyển sổ.

* Các bảng tổng hợp chi tiết: là các bảng dùng để tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán chi tiết. Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết được dùng để đối chiếu số liệu với sổ cái TK 111, TK112.

* Sổ Nhật ký chung: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi Sổ Cái. Số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung được dùng làm căn cứ để ghi vào Sổ cái.

* Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong niên độ kế toán theo tài khoản kế toán được quy định trong hệ thống tài khoản kế toán áp dụng trong doanh nghiệp. Cuối tháng, cộng số phát sinh Nợ, phát sinh Có, tính ra số dư cuối tháng để làm căn cứ lập Bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2:

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY TNHH VIỆT CHÍNH.**

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Việt Chính.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Việt Chính.

1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Việt Chính.

Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - Hồng Bàng - Hải Phòng.

ĐT : 031 3838 100

Fax : 031 3831 146

Email : Vietchinh.ltd.@yahoo.com

Ngành nghề kinh doanh: Bán các loại vật tư, thiết bị ngành điện bao gồm điện dân dụng, điện công nghiệp, cung cấp các mặt hàng, vật tư thiết bị thuộc lĩnh vực điện cho các đại lý bán buôn, bán lẻ, các cửa hàng, nhà thầu công trình xây dựng trong và ngoài thành phố.

Các loại mặt hàng chính của công ty:

- + Dây cáp điện các loại
- + Dây điện lưới các loại
- + Áp tô mát
- + Khởi động từ
- + Rơ le nhiệt
- + Bóng đèn các loại
- + Đèn trần, đèn trang trí treo tường
- + Công tắc điện các loại
- + Tủ điện các cỡ
- + Cốt các cỡ
- +

2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Công ty TNHH Việt Chính thành lập tháng 1 năm 2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202000616 – CT NHHH của sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Năm bắt được xu thế hiện nay, khi nhiều nhà thầu đang đầu tư vào các khu công nghiệp tại Hải Phòng, các nhà máy xí nghiệp ngày mọc lên càng nhiều, các công trình xây dựng như nhà ở, trường học, bệnh viện hiện đại được xây dựng với quy mô lớn phục vụ cho cuộc sống của con người. Đi liền với đó không thể thiếu việc cung cấp điện. Để điện có thể phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh được diễn ra bình thường thì nhu cầu thiết bị điện an toàn, chất lượng hiện đại và tiết kiệm luôn đặt lên hàng đầu. Công ty TNHH Việt Chính thành lập đã quan tâm, chú trọng tới việc cung cấp các loại hàng chất lượng tốt nhằm đáp ứng cho nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng trong việc lắp đặt và sử dụng các thiết bị điện.

- Tuy là một doanh nghiệp trẻ nhưng công ty đã dần xây dựng được uy tín của mình trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện. Công ty không ngừng mở rộng thị trường cung cấp các loại vật tư trong lĩnh vực điện dân dụng, điện công nghiệp, điều đó làm đa dạng hoá sản phẩm kinh doanh của công ty và góp phần thu hút được nhiều khách hàng đặt những đơn hàng với số lượng lớn và nhiều loại thiết bị điện.

- Hiện nay công ty đã nhận làm đại lý chính thức cho một số nhà máy dây điện, cáp điện lớn trong và ngoài nước. Bên cạnh đó công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng cung cấp hàng cho một số nhà máy, công ty xây dựng, nhà thầu lớn không chỉ trên địa bàn thành phố mà các khách hàng ở tỉnh khác cũng tìm đến công ty ký kết hợp đồng mua hàng với số lượng lớn.

- Để có được sự phát triển và lớn mạnh chỉ trong 3 năm thành lập tới nay, công ty TNHH Việt Chính rất chú trọng nâng cao chất lượng bán hàng, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, không để nhỡ hàng, thiếu hàng cho khách, giá cả hợp lý, hình thức vận chuyển nhanh chóng, gọn nhẹ làm nhiều đối tác thấy yên tâm khi mua hàng của công ty. Ngoài ra công ty còn quan tâm tới việc chăm sóc cho khách hàng sau bán hàng nên đã thu hút được rất nhiều đối tác tìm đến công ty nhận đặt hàng. Công ty có chính sách chiết khấu và thanh toán hợp lý với từng đối tượng khách hàng nên ngày càng nhiều cửa hàng xin nhận làm đại lý bán hàng giới thiệu sản phẩm cho công ty.

- Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của công ty TNHH Việt Chính.

Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Vốn chủ sở hữu	đồng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Doanh thu	đồng	18.540.740.350	23.980.450.052	30.820.840.782
3.Thuế TNDN	đồng	12.821.424	19.838.005	30.378.200
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	32.969.376	51.012.014	91.134.600
5. Lao động	người	35	37	42
6.Lương bìnhquân/người	đồng	2.050.000	2.250.000	2.385.000

Qua 3 năm xây dựng và phát triển với số vốn đầu tư ban đầu là 10.000.000.000, công ty đã dần nâng được doanh thu của mình lên từ 18.540.740.350 (năm 2007) lên 18.540.740.350 (năm 2008) và tới năm 2009 doanh thu của công ty đạt 30.820.840.782. Đi liền với sự tăng lên nhanh chóng của doanh thu hàng năm thì lợi nhuận của công ty cũng không ngừng tăng lên trong 3 năm liền, khẳng định sự phát triển ngày càng lớn mạnh của công ty. Bên cạnh đó công ty luôn chấp hành việc nộp đầy đủ, đúng hạn các loại thuế vào ngân sách nhà nước.

Cán bộ, nhân viên công ty được trả lương đầy đủ, đúng kỳ, được tăng lương theo mức giá chung thị trường, được đóng bảo hiểm và nhiều ưu đãi khác. Ngoài ra công ty còn tổ chức thưởng hàng quý đối với những cá nhân, phòng ban điều đó góp phần tích cực thúc đẩy tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.1.2.Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH Việt Chính.

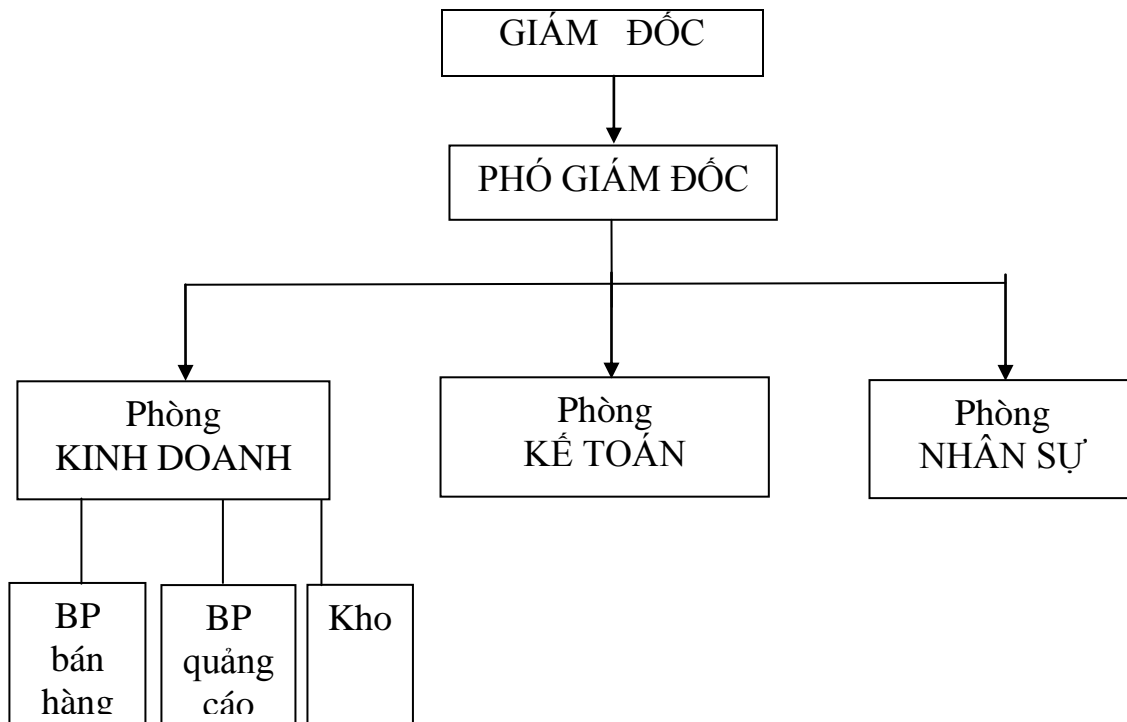
Để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục và phát triển lâu dài công ty ngay từ khi thành lập và cho tới nay công ty vẫn xây dựng bộ máy quản lý rất chặt chẽ, với cơ cấu hợp lý. Công ty áp dụng mô hình quản lý tập trung, thống nhất dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc.

* Cơ cấu quản lý hiện nay công ty áp dụng mô hình:

- Giám đốc là người có quyền lực cao nhất điều hành mọi hoạt động của công ty

- Dưới giám đốc là phó giám đốc
- Các trưởng phòng quản lý nhân viên và tham gia hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của DN



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong công ty.

* Giám đốc công ty: là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh, quyết định mở rộng hay thu hẹp quy mô kinh doanh các mặt hàng của công ty, quyết định hình thức bán hàng, hình thức thanh toán cho khách...đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý của nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

* Phó giám đốc: là người giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty như trong quá trình bán hàng, giao hàng và quản lý hàng hoá, chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi việc được phân công.

* Phòng kinh doanh: là bộ phận chủ chốt hoạt động của công ty.

- Bao gồm các nhân viên mua hàng, bán hàng, giao hàng, giới thiệu sản phẩm,...
- Thực hiện việc bán hàng trực tiếp, lập kế hoạch bán hàng, báo giá cho khách hàng, mua hàng để bán, dự trữ hàng, marketing.

* Phòng kế toán: Chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính như lập báo giá hàng bán, lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, tham mưu cho

giám đốc về chiến lược hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần lớn trong quá trình hình thành và phát triển của công ty.

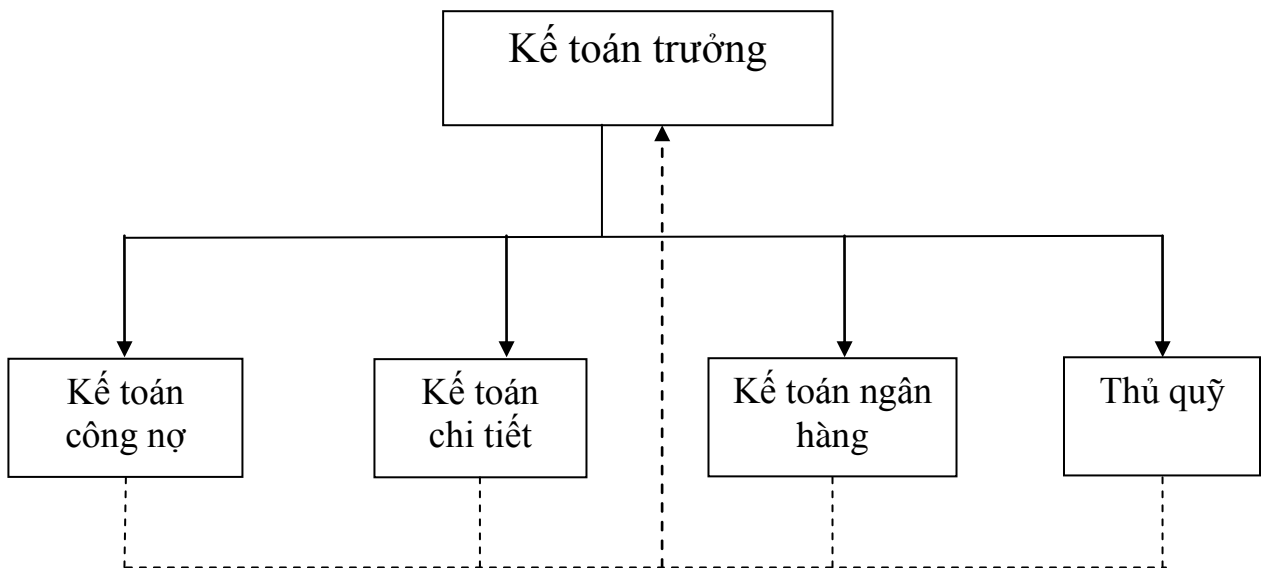
* Phòng nhân sự:

- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quản lý mọi hoạt động của các nhân viên trong công ty.
- Lập kế hoạch công tác cụ thể cho từng bộ phận
- Đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng năng động, nhiệt tình, làm việc có trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu của công việc mới và tuyển dụng nhân viên cho công ty khi cần.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Phòng kế toán là trung tâm thu thập và xử lý thông tin tài chính, về hiệu quả kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Đây là cơ cấu giúp cho ban lãnh đạo công ty giải quyết kịp thời đúng đắn các vấn đề trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



Quan hệ chỉ đạo nghiệp vụ \longrightarrow

Quan hệ cung cấp thông tin \dashrightarrow

Kế toán trưởng là người có quyền hành cao nhất, chịu trách nhiệm phân công công việc cho từng kế toán và tổng hợp số liệu từ các thông tin liên quan tới tình hình tài chính của các kế toán viên.

2. Chức năng của từng kế toán viên.

* Kế toán trưởng :

- Quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên
- Tổng hợp số liệu về từ các kế toán viên, lập báo cáo tài chính
- Tham mưu cho giám đốc về các vấn đề tài chính, về các khoản đầu tư, mở rộng thị trường, lĩnh vực đầu tư ...
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi hoạt động của phòng kế toán.

* Kế toán chi tiết:

- Chịu trách nhiệm lập bảng báo giá hàng bán
- Thu thập giá hàng mua vào, theo dõi số liệu mua bán hàng hoá.
- Tập hợp các loại chứng từ như hoá đơn mua hàng, viết hoá đơn bán hàng...
- Lập các bảng chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, để chuyển cho kế toán trưởng tổng hợp số liệu.

* Kế toán công nợ:

- Theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, việc trả nợ tiền hàng cho đối tác
- Lập kế hoạch thu, chi, cho công ty, việc trả lãi, nhận lãi từ cho vay...
- Tính lương, thưởng, phụ cấp, bảo hiểm trả cho cán bộ, nhân viên của công ty.

* Kế toán ngân hàng:

- Theo dõi các giao dịch của công ty qua ngân hàng, thu thập chứng từ ngân hàng liên quan tới giao dịch.
- Theo dõi các khoản vay ngân hàng, cho ngân hàng vay, việc trả lãi, nhận lãi từ ngân hàng hàng tháng.
- Lập sổ chi tiết tiền gửi các ngân hàng và bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng.
- So sánh phát hiện chênh lệch giữa sổ kế toán với số liệu ngân hàng để điều chỉnh kịp thời.

* Thủ quỹ: quản lý việc thu chi tiền mặt tại quỹ hàng ngày, lập sổ quỹ, kiểm kê quỹ của công ty.

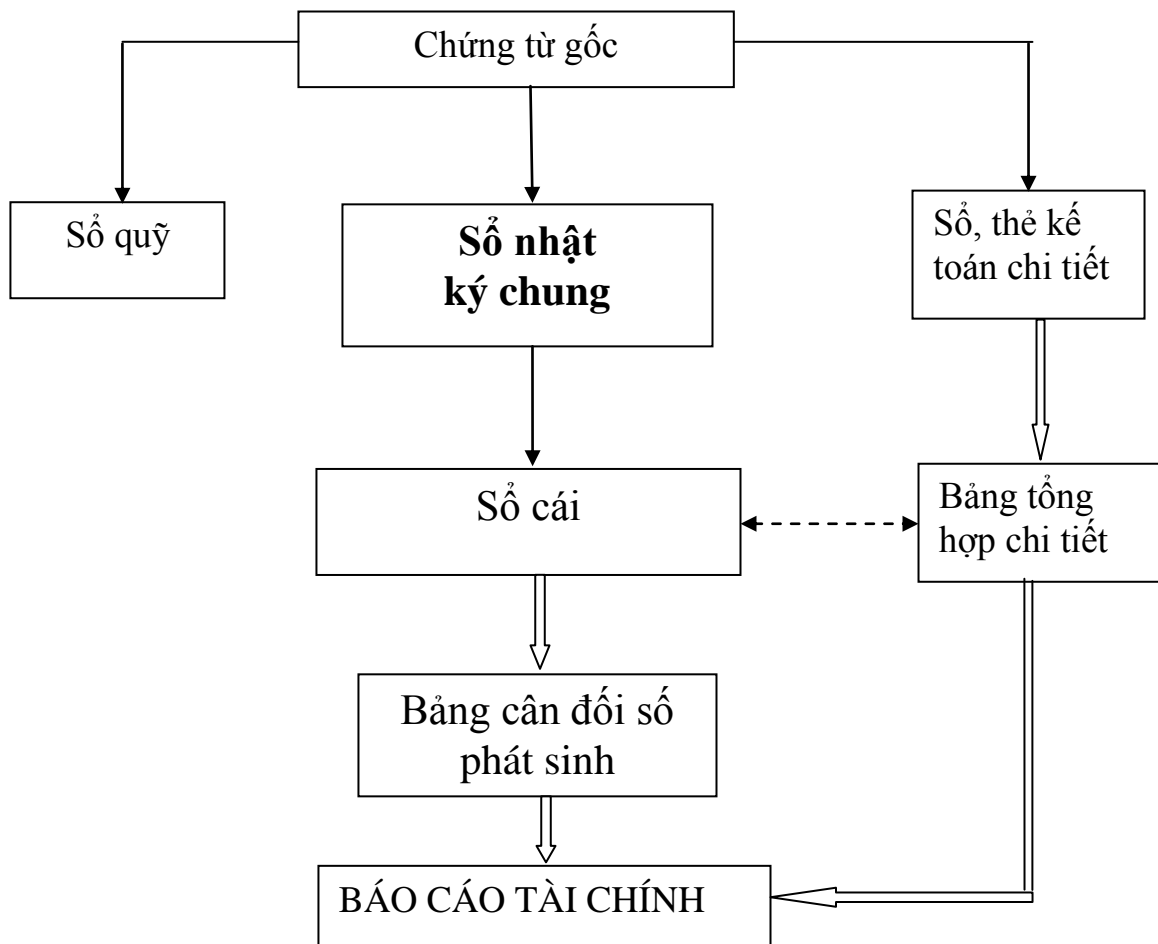
3. Hình thức kế toán tại công ty.

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp các số liệu, chứng từ kế toán theo một trật tự và phương pháp ghi chép nhất định.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm kinh doanh của công ty, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán ghi sổ “ Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ Cái.
- + Các sổ kế toán chi tiết.
- + Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái.

- Cuối tháng, kế toán tập hợp số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) kế toán trưởng sẽ lập báo cáo tài chính.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng theo quyết định 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

- Hệ thống báo cáo tài chính của công ty: Báo cáo tài chính của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính bao gồm:

- + Bảng Cân đối kế toán
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2.Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.

2.2.1.Kế toán tiền mặt tại công ty.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu tiền
- Phiếu chi tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tạm ứng
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Sổ quỹ tiền mặt
- Các chứng từ khác liên quan.

***Các quy định trong hạch toán tiền mặt tại công ty.**

- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.
- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới thu, chi tiền mặt kế toán chi tiết phải tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi, sổ chi tiết tiền mặt. Hàng ngày kế toán chi tiết tiền mặt phải đối chiếu với sổ quỹ của thủ quỹ và cuối tháng phải đối chiếu số liệu với sổ cái TK 111 của kế toán tổng hợp.
- Phiếu thu phải được lập thành 3 liên: thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1

liên lưu lại nơi lập phiếu, 1 liên giao cho người nộp tiền. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

- Phiếu thu được kèm với hoá đơn giá trị gia tăng (liên 3) - khi công ty bán hàng thu tiền hàng bằng tiền mặt.

- Mỗi khoản chi tiền mua hàng, tạm ứng,... dưới 5.000.000 nếu được kế toán trưởng xem xét ký duyệt thì thủ quỹ có thể tiến hành xuất quỹ. Nếu khoản chi tiền mặt trên 5.000.000 thì phải được kế toán trưởng và giám đốc xem xét, ký duyệt thì thủ quỹ mới được phép xuất quỹ.

- Đối với những phiếu chi trả tiền mua nguyên vật liệu, vật tư, hàng hoá để bán phải có hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho phải có chữ ký của thủ kho là đã nhận đủ hàng, đúng số lượng và chất lượng.

- Phiếu chi cũng phải lập thành 3 liên: liên 1 lưu ở nơi lập phiếu, liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để ghi vào sổ kế toán, liên 3 giao cho người nhận tiền.

- Phiếu chi được kèm với hoá đơn giá trị gia tăng (liên 2) - khi công ty chi tiền mặt mua hàng.

- Các phiếu thu, phiếu chi đều được kế toán trưởng và giám đốc ký rồi mới đóng dấu trước khi gửi ra bên ngoài.

*** Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty sử dụng TK 111 - “Tiền mặt” để phản ánh tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty. Do công ty không sử dụng ngoại tệ thanh toán trong giao dịch bằng tiền mặt nên TK 111 chỉ sử dụng TK cấp 1 để hạch toán cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK liên quan khác như TK 112, 131, 141, 331, 333, 334, 338, 641, 642,....

2.2.1.1. Kế toán tăng tiền mặt tại công ty.

*Các nguồn thu chủ yếu làm tăng tiền mặt của công ty là:

- + Thu từ việc bán sản phẩm , hàng hoá, cung cấp dịch vụ
- + Thu hồi các khoản nợ phải thu về nhập quỹ
- + Thu hồi tạm ứng thừa nhập quỹ

+ Nhận vốn góp kinh doanh bằng tiền mặt

+ Thu từ thanh lý, nhượng bán

* Cách lập phiếu thu: Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền liên quan tới tiền mặt, kế toán chi tiết tiến hành lập phiếu thu.

- Phiếu thu có ghi rõ tên công ty và địa chỉ công ty.

- Phiếu thu được đóng thành quyển và ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu phải ghi số quyển và số của từng phiếu thu. Số phiếu thu được đánh liên tục trong 1 kỳ kế toán.

- Từng phiếu thu phải ghi rõ ngày, tháng, năm và ngày, tháng, năm thu tiền.

- Dòng “Lý do nộp” ghi rõ nội dung nộp tiền

- Dòng “ Số tiền” ghi bằng số và bằng chữ số tiền nộp quỹ, ghi rõ đơn vị tính là Đồng Việt Nam.

- Ghi rõ số lượng chứng từ gốc kèm theo phiếu thu.

- Phiếu thu được kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, rồi chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

***Trường hợp : Bán hàng thu ngay bằng tiền mặt:**

VD: Ngày 4/12/2009 bán hàng cho công ty TNHH Quang Thắng trị giá hàng bán chưa thuế giá trị gia tăng là 10.750.000. Công ty đã thu tiền hàng của công ty Quang Thắng. Thuế suất thuế GTGT 10 %.

Khi công ty Quang Thắng mua hàng và trả tiền ngay cho công ty số tiền 11.825.000 , kế toán tiến hành viết hoá đơn và lập phiếu thu theo số tiền công ty Quang Thắng trả, rồi chuyển cho thủ quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền thủ quỹ ký nhận và giao 1 phiếu thu cho khách hàng.

- Cuối ngày kế toán kẹp các phiếu thu và hoá đơn GTGT liên 3 với nhau (làm chứng từ gốc)

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKL – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RS/2009B			
Liên 3: Nội bộ			0084400			
Ngày 4 tháng 12 năm 2009						
Đơn vị bán hàng:.....						
Địa chỉ:.....						
Số tài khoản:.....						
Điện thoại:.....						
<table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="padding: 5px;"> CT TNHH VIỆT CHÍNH SỐ 12 PHẠM HỒNG THÁI-HB - HP MST : 0 2 0 0 7 5 0 2 8 5 </td> </tr> </table>						CT TNHH VIỆT CHÍNH SỐ 12 PHẠM HỒNG THÁI-HB - HP MST : 0 2 0 0 7 5 0 2 8 5
CT TNHH VIỆT CHÍNH SỐ 12 PHẠM HỒNG THÁI-HB - HP MST : 0 2 0 0 7 5 0 2 8 5						
Họ tên người mua hàng:						
Tên đơn vị : Công ty TNHH Quang Thắng						
Địa chỉ: Số 178 A Quang Trung - Hải Phòng.						
Số tài khoản: 00900574082620 ACB						
Hình thức thanh toán: TM MS: 0 2 0 0 9 4 5 1 8 7.						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3 = 1 x2	
1.	Cáp hàn SEC 25	m	100	45.000	4.650.000	
2	Cáp hàn SEC 35	m	100	61.000	6.100.000	
Cộng tiền hàng:					10.750.000	
Thuế suấtGTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.075.000		
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.825.000	
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu tám trăm hai lăm nghìn đồng.						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)		

Đơn vị: CT TNHH Việt Chính
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - HB - HP

Mẫu số : 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 4 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 86
Số: ...1224....
Nợ: TK 111...
Có: TK 511....
Có: TK3331...

Họ tên người nộp tiền: Đỗ Thị Thanh Vân

Địa chỉ: Cty TNHH Quang Thắng – 178A Quang Trung - HP

Lý do nộp: trả tiền mua hàng

Số tiền: 11.825.000 (Viết bằng chữ): Mười một triệu, tám trăm hai
lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01- HĐGTGT 0084400

Chứng từ gốc:
Ngày 4 tháng 12 năm 2009

Giám đốc **Kế toán** **Người nộp tiền**
(Ký, họ tên, **trưởng** (Ký, họ tên)
tên)
đóng dấu) (Ký, họ tên)

Người lập **Thủ quỹ**
phiếu (Ký, họ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ).....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi:.....

*** Trường hợp: Thu hồi tạm ứng thừa nhập quỹ:**

- VD: Ngày 8/12/2009 thu hồi tiền tạm ứng thừa mua hàng của công ty cổ phần Kim Tín. Theo giấy tạm ứng thủ quỹ đã chi 18.000.000, nhưng thực tế nhân viên mua hàng thanh toán tiền mua hàng hết 16.500.000, nhân viên mua hàng nộp lại cho thủ quỹ 1.500.000 tiền tạm ứng thừa mua hàng.

- Nhân viên mua hàng viết giấy thanh toán tiền tạm ứng rồi chuyển cho kế toán trưởng xem xét, ký duyệt. Kế toán lập phiếu thu, sau đó chuyển cho thủ quỹ nhập số tiền thừa nhập quỹ.

Đơn vị : CT TNHH Việt Chính

Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng, HP

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

Họ tên người thanh toán: Bùi Đức Minh

Bộ phận: Phòng kinh doanh

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây

Nội dung	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	18.000.000
1.Số tạm ứng ký trước chưa chi hết	
2.Số tạm ứng kỳ này:	18.000.000
- Phiếu chi số:10254	18.000.000
II.Số tiền đã chi:	
-Chứng từ số: HD 45719 ngày 6/5/2009	16.500.000
III.Chênh lệch	
1. Tạm ứng không chi hết	1.500.000
2. Chi quá số tạm ứng	

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Đơn vị: CT TNHH Việt Chính
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - HB - HP

Mẫu số : 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
Ngày 8 tháng 12 năm 2008

Quyển số: 86
Số:..1235.....
Nợ: TK 111...
Có: TK 141....

Họ tên người nộp tiền: Bùi Đức Minh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp: tiền tạm ứng thừa mua hàng của Cty CP Kim Tín

Số tiền: 1.500.000 (Viết bằng chữ): Một triệu năm trăm nghìn đồng
chẵn.

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ).....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi:.....

***Trường hợp: Công ty thu nợ của người mua:**

- VD: Ngày 25 tháng 12 năm 2009 công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thành thanh toán cho công ty số tiền 16.316.300

- Theo hoá đơn GTGT số 84446 ngày 16/12/2009, công ty TNHH Việt Chính bán hàng cho công ty CP Xây Dựng Việt Thành. Tổng giá phải thanh toán là 16.316.300. Tới ngày 25/12 công ty Việt Thành thanh toán toàn bộ số tiền hàng cho công ty TNHH Việt Chính. Sau khi nhận đủ tiền, kế toán lập phiếu thu cho khách hàng.

Đơn vị: CT TNHH Việt Chính
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - HB - HP

Mẫu số : 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 86
Số: ...1279.....
Nợ TK 111...
Có TK 131....

Họ tên người nộp tiền: Cty CP Xây Dựng Việt Thành

Địa chỉ: 157 Lê Thánh Tông - Hải Phòng

Lý do nộp: trả tiền mua hàng

Số tiền: 16.316.300 (Viết bằng chữ) Mười sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn, ba trăm đồng.

Kèm theo: 01- HĐGTGT 84446

Chứng từ gốc:

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ).....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi:.....

2.2.1.2. Kế toán giảm tiền mặt tại công ty.

* Các khoản chi chủ yếu của công ty :

- Chi mua nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
- Chi mua sản phẩm, hàng hoá về bán.
- Chi thanh toán tiền công, tiền lương cho cán bộ công nhân viên.
- Chi nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.
- Các khoản chi khác như: chi cho quảng cáo, tiếp thị, chi mua văn phòng phẩm, chi thưởng lễ, tết, tiếp khách,...

* Cách lập phiếu chi: Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền liên quan tới tiền mặt, kế toán chi tiết tiến hành lập phiếu chi.

- Phiếu chi có ghi rõ tên đơn vị và địa chỉ đơn vị ở góc bên trái của phiếu.
- Phiếu chi được đóng thành quyển, trong mỗi phiếu chi phải ghi số quyển và số của từng Phiếu chi. Số Phiếu chi được đánh liên tục trong một kỳ kế toán. Từng phiếu chi phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập và ngày, tháng, năm chi tiền.
- Ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận tiền.
- Dòng “Lý do chi” ghi rõ nội dung chi tiền
- Dòng “Số tiền” ghi bằng số hoặc bằng chữ số tiền xuất quỹ, ghi rõ đơn vị tính là Đồng Việt Nam.
- Ghi số lượng chứng từ gốc kèm theo phiếu chi.
- Phiếu chi được lập thành 3 liên, chỉ sau khi có đủ chữ ký (của người lập phiếu, kế toán trưởng và giám đốc) thì thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận tiền, người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu chi.

* **Trường hợp: Chi tạm ứng cho nhân viên mua hàng để bán:**

- VD: Ngày 2 /12/2009 tạm ứng tiền nhập hàng cho ông Bùi Đức Minh số tiền 15.000.000 mua hàng của cty TNHH LS Vina Cable .
- Ngày 1/12/2009 ông Bùi Đức Minh viết giấy đề nghị tạm ứng
- Sau khi giấy đề nghị tạm ứng được kế toán trưởng và giám đốc xét duyệt, ký tên kế toán tiến hành lập phiếu chi số 1025. Thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ.

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG.

Ngày 2 tháng 12 năm 2009

Kính gửi : Giám đốc công ty TNHH Việt Chính.....

Tên tôi là: Bùi Đức Minh.....

Địa chỉ: Phòng kinh doanh.....

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 15.000.000 (*Viết bằng chữ*) Mười lăm triệu đồng chẵn.....

Lý do tạm ứng: Mua hàng của công ty TNHH LS Vina Cable.

Thời hạn thanh toán:.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
Bùi Duy Việt	Phạm Lệ Thu	Nguyễn Thị Chính	Bùi Đức Minh

Đơn vị: CT TNHH Việt Chính
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - HB - HP

Mẫu số : 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 2 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 126
Số: ...1025....
Nợ: TK 141...
Có: TK111.....

Họ tên người nhận tiền: Bùi Đức Minh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi : tạm ứng tiền mua hàng công ty TNHH LS Vina Cable

Số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

****Trường hợp: Chi thanh toán tiền mua hàng.***

Ngày 25/12/2009 công ty TNHH Việt Chính mua hàng của công ty TNHH Thanh Quang, hàng mua về đã nhập kho. Trị giá hàng mua chưa thuế giá trị gia tăng 5.862.500. Công ty đã thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Thanh Quang bằng tiền mặt.

Khi nhân viên mua hàng nộp hoá đơn giá trị gia tăng (liên 2) cho kế toán, kế toán tiến hành lập phiếu chi làm 3 liên, sau đó đưa cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ đưa tiền cho nhân viên mua hàng, hoặc kế toán công nợ để trả tiền hàng.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKL – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RS/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng			0072059		
Ngày 25 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....					
Địa chỉ:.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MS:.....					
CT TNHH THANH QUANG SỐ 50 TRẦN QUANG KHẢI – HP MST : 0 2 0 0 4 9 7 4 1 4					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Việt Chính					
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số tài khoản: 00900604082372 ACB					
Hình thức thanh toán: TM MS: 0 2 0 0 7 5 0 2 8 5					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x2
1	Dây 2 x 2,5	cuộn	10	200.000	2.000.000
2	Dây 1x 1,5	cuộn	5	140.000	700.000
3	Bóng đèn 100 W	cái	50	7.500	375.000
4	Đầu cốt	cái	1000	2787,5	2.787.500
Cộng tiền hàng:					5.862.500
Thuế suấtGTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		586.250	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.448.750
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm bốn bốn tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị: CT TNHH Việt Chính
Địa chỉ: Số 12 Phạm Hồng Thái - HB - HP

Mẫu số : 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 126
Số: ...1030...
Nợ: TK 156...
Nợ: TK 1331..
Có: TK111.....

Họ tên người nhận tiền: Đinh Thu Trang

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : trả tiền mua hàng

Số tiền: 6.448.750 (Viết bằng chữ): Sáu triệu, bốn trăm bốn tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng.

Kèm theo: 01- HĐGTGT 72059

Chứng từ gốc:

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

***Thủ quỹ:**

- Dựa vào các phiếu thu, phiếu chi đã được thực hiện nhập, xuất quỹ hàng ngày thủ quỹ công ty có trách nhiệm quản lý thu, chi, kiểm kê tiền đồng thời lập sổ quỹ tiền mặt.
- Sổ quỹ của thủ quỹ thể hiện các số phiếu thu, phiếu chi, nội dung thu, chi và số tồn quỹ hàng ngày trên quỹ tiền mặt của công ty.
- Cuối ngày thủ quỹ phải đối chiếu số tiền trên sổ quỹ với số liệu trên sổ kế toán tiền mặt.

(TRÍCH) SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
SH	Ngày tháng		Thu	Chi	Tồn Quỹ
		Số dư đầu tháng			250.192.550
PC 1025	2/12/09	Chi tiền tạm ứng mua hàng CT TNHH Vina Cable		15.000.000	235.192.550
...				
PT 1224	4/12/09	Thu tiền bán hàng theo hoá đơn 84400 Cty Quang Thắng	11.825.000		249.267.750
PT 1230	5/12/09	Thu tiền bán vật tư hàng hoá	11.000.000		260. 267.750
PT 1231	6/12/09	Thu tạm ứng thừa	500.000		260.767.750
				
PT 1235	8/12/09	Thu tiền tạm ứng thừa mua hàng CT CP Kim Tín	1.500.000		367.900.804
				
PT 1279	25/12/09	Thu tiền bán hàng Cty CP XD Việt Thành theo hoá đơn 84446	16.316.300		397.863.947
PC 1030	25/12/09	Trả tiền hàng CT TNHH Thanh Quang		6.448.750	391.415.197
				
PC 1056	31/12/09	Mua kệ bày hàng		11.000.000	350.260.230
				
		Cộng PS	503.167.230	413.819.280	
		SDCK			339.540.500

***Kế toán chi tiết tiền mặt:**

- Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi đã lập kế toán lập sổ chi tiết tiền mặt
- Sổ chi tiết tiền mặt: phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày của công ty.
- Cách lập sổ chi tiết tiền mặt: hàng ngày căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi đã lập, kế toán ghi sổ chi tiết tiền mặt.
- Nội dung ghi sổ:
 - + Cột “Ngày tháng ghi sổ”: thể hiện ngày tháng lập phiếu thu, phiếu chi
 - + Cột “Số hiệu chứng từ”: số phiếu thu, phiếu chi được lập.
 - + Cột “Nội dung” : thể hiện nội dung phát sinh nghiệp vụ
 - + Cột “TK đối ứng” : là số hiệu đối ứng với TK 111 (Thu, chi tiền)
 - + Cột “Số phát sinh” : thể hiện số tiền thu(bên Nợ), chi (bên Có) hàng ngày
 - + Cột “ Số tồn” : thể hiện số tiền tồn quỹ qua từng ngày.
- Tác dụng: dựa vào sổ chi tiết tiền mặt cuối ngày kế toán thực hiện đối chiếu số tồn quỹ trên sổ chi tiết với số quỹ của thủ quỹ, đảm bảo tính chính xác trong hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty.

SỔ CHI TIẾT TIỀN MẶT

Tài khoản: 111

Tháng 12 năm 2009

VND

NT GS	SHCT		Nội dung	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn
	Thu	Chi			Nợ	Có	
			SDDK				250.192.550
2/12		PC 1025	Chi tiền tạm ứng mua hàng CT TNHH LS Vina Cable	141		15.000.000	235.192.550
						
4/12	PT 1224		Thu tiền bán hàng cty Quang Thắng	511	10.750.000		248.192.750
	PT 1224		VAT đầu ra	3331	1.075.000		249.267.750
						
8/12	PT 1235		Thu tiền tạm ứng thừa mua hàng Cty CP Kim Tín	141	1.500.000		367.900.804
						
25/12	PT 1279		Thu tiền bán hàng Cty CP XD Việt Thành theo hoá đơn 84446	131	16.316.300		397.863.947
25/12		PC 1030	Mua hàng CT TNHH Thanh Quang	156		5.862.500	392.001.447
25/12		PC 1030	VAT đầu vào	133		586.250	391.415.197
						
31/12		PC 1056	Mua kê bày hàng	211		10.000.000	349.260.230
31/12		PC 1056	VAT đầu vào	133		1.000.000	350.260.230
						
			Cộng PS		503.167.230	413.819.280	
			SDCK				339.540.500

***Kế toán tổng hợp tiền mặt:**

Hàng ngày căn cứ các vào phiếu thu, phiếu chi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung.

Sổ Nhật ký chung của công ty thể hiện chứng từ sử dụng trong thu, chi tiền, ngày tháng ghi sổ, nội dung nghiệp vụ phát sinh, định khoản phát sinh Nợ, Có và số tiền phát sinh từng nghiệp vụ.

(TRÍCH) NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

CT	NTGS	Số HĐ	NỘI DUNG	Nợ	Có	Số tiền
PC 1025	2/12/09		Chi tiền tạm ứng mua hàng CT TNHH LS Vina Cable	141	111	15.000.000
					
PT 1224	4/12/09	84400	Thu tiền bán hàng theo Cty Quang Thăng	111	511	10.750.000
			VAT đầu ra	111	3331	1.075.000
					
PT 1235	8/12/09		Thu tiền tạm ứng thừa mua hàng Cty CP Kim Tín	111	141	1.500.000
					
HD 84486	16/12/09	84486	Bán hàng cho cty CP XD Việt Thành	131	511	14.833.000
HD 84486	16/12/09	84486	VAT đầu ra	131	3331	1.483.300
					
PT 1279	25/12/09		Thu tiền bán hàng Cty CP XD Việt Thành theo hoá đơn 84446	111	131	16.316.300
PC 1030	25/12/09	72059	Mua hàng CT TNHH Thanh Quang	156	111	5.862.500
PC 1030	25/12/09	72059	VAT đầu ra	133	111	586.250
					
PC 1056	31/12/09	78956	Mua kệ bày hàng	211	111	10.000.000
PC 1056	31/12/09	78956	VAT đầu vào	133	111	1.000.000
					
			Cộng trang sổ			8.380.500.620

- Sau khi ghi sổ Nhật ký chung, kế toán tổng hợp tiếp tục vào Sổ Cái TK 111.
- Nội dung: Sổ Cái TK 111 của công ty được lập theo từng tháng
 - + Cột “ Chứng từ”: là số các phiếu thu, phiếu chi và ngày tháng ghi trên đó.
 - + Cột “Số hoá đơn” : thể hiện số hoá đơn giá trị gia tăng mua, bán hàng hoá, dịch vụ.
 - + Cột “Nội dung” : Thể hiện nội dung liên quan tới tiền mặt tại quỹ.
 - + Cột “TK đối ứng” : là TK thể hiện đối ứng với nghiệp vụ tăng, giảm tiền.
 - + Cột “Số tiền” : thể hiện số dư đầu kỳ - là số tiền có tại quỹ đầu tháng, phát sinh bên nợ - là các nghiệp vụ tăng tiền, phát sinh bên có - là các nghiệp vụ giảm tiền, số dư cuối kỳ là số tiền tồn quỹ cuối kỳ của công ty.
- Cơ sở lập Sổ Cái TK 111: là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới tiền mặt của công ty.
- Tác dụng Sổ Cái TK 111: Cuối tháng số dư trên Sổ Cái TK 111 được đối chiếu với số liệu ở cột số dư trên sổ chi tiết tiền mặt, số dư cuối kỳ của TK 111 trên Sổ Cái được lấy để vào bảng cân đối số phát sinh và tổng hợp vào bảng cân đối kế toán của công ty.

(TRÍCH) SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 111
Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Số HĐ	Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			SDDK		250.192.500	
PC 1025	2/12/09		Chi tiền tạm ứng mua hàng CT TNHH LS Vina Cable	141		15.000.000
					
PT 1224	4/12/09	84400	Thu tiền bán hàng cty Quang Thắng	511	10.750.000	
PT 1224	4/12/09	84400	VAT đầu ra	3331	1.075.000	
					
PT 1235	8/12/09		Thu tiền tạm ứng thừa mua hàng Cty CP Kim Tín	141	1.500.000	
					
PT 1279	25/12/09		Thu tiền bán hàng Cty CP XD Việt Thành theo hoá đơn 84446	131	16.316.300	
PC 1030	25/12/09	72059	Mua hàng CT TNHH Thanh Quang	156		5.862.500
PC 1030	25/12/09	72059	VAT đầu vào	133		586.250
					
PC 1056	31/12/09	78956	Mua kệ bày hàng	211		10.000.000
PC 1056	31/12/09	78956	VAT đầu vào	133		1.000.000
			Cộng PS		503.167.230	413.819.280
			SDCK		339.540.500	

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty.

Tại công ty TNHH Việt Chính, kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Toàn bộ vốn của doanh nghiệp, trừ số giữ lại quỹ tiền mặt còn lại đều gửi vào tài khoản mở tại ngân hàng.

Công ty có một số đối tác là các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các công ty này đều có thể giao dịch thanh toán bằng đồng ngoại tệ (USD). Công ty thực hiện ghi sổ và lập Báo cáo tài chính theo Việt Nam Đồng.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu
- Giấy nộp tiền ngân hàng
- Sổ phụ ngân hàng
- Bản sao kê
- Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng
- Các giấy tờ liên quan...

*** Nguyên tắc ghi nhận.**

Hàng ngày hoặc cuối tháng khi nhận được giấy báo nợ, báo có, bản sao kê kèm theo chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...) do ngân hàng gửi đến, kế toán thực hiện việc ghi sổ, sau đó đối chiếu số liệu ở sổ kế toán với số liệu của ngân hàng (nếu có chênh lệch mà đến cuối tháng vẫn chưa xác định được nguyên nhân, kế toán tiến hành điều chỉnh theo số liệu của ngân hàng đã gửi đến).

*** Tài khoản sử dụng.**

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 112.

-TK 112 được công ty theo dõi chi tiết TK 112 với 2 tài khoản cấp 2.

+ TK 1121 : Tiền Việt Nam

+ TK 1122 : Ngoại tệ

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như TK 111, 131, 331, 333, 338,...

2.2.2.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng và chứng từ kế toán sử dụng.

Các khoản thu chủ yếu làm tăng tiền gửi ngân hàng của công ty:

- Thu từ tiền bán hàng hoá, dịch vụ...
- Thu tiền lãi gửi ngân hàng
- Thu từ góp vốn liên doanh
- Gửi tiền mặt vào ngân hàng
- Lãi do bán ngoại tệ chênh lệch tỷ giá

*** Trường hợp: Khách hàng thanh toán cho công ty qua ngân hàng:**

-VD: Công ty CP XD Việt Thành chuyển khoản 55.000.000 thanh toán tiền hàng theo hoá đơn số 5783 cho công ty TNHH Việt Chính vào ngày 5/12/2009, công ty TNHH Việt Chính đã nhận được giấy báo Có của ngân hàng Đông Nam Á.

- Khi công ty CP Xây dựng Việt Thành chuyển tiền qua ngân hàng thanh toán cho công ty TNHH Việt Chính, kế toán nhận được Sổ phụ kèm theo Giấy báo có xác nhận số tiền được chuyển vào tài khoản công ty.

NGÂN HÀNG TM CP ĐÔNG NAM Á
CN HAI PHONG

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Từ ngày 5/12/2009 Đến ngày 5/12/2009

Tài khoản: 00287514289279 VND
TGTT VND CT TNHH VIỆT CHÍNH

Số dư đầu 876.902.786

SỐ CT	GHI NỢ	CHI CÓ	NỘI DUNG
5/12/2009			
TT100500135		55.000.000	CTY CP XD VIET THANH THANH TOAN TIEN HANG THEO HD SO 5783

Tổng 55.000.000

Tổng PS + 55.000.000

Dư cuối 931.902.786

KIỂM SOÁT

NGƯỜI LẬP

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
CN HAI PHONG

Số : TT1000500135

Ngày 5/12/2009

MST:00200253985-003

GIẤY BÁO CÓ

TÀI KHOẢN :00287514289279

TGTT VND CT TNHH VIET CHINH

NỘI DUNG: CTY CP XAY DUNG VIET THANH THANH TOAN TIEN
HANG THEO HD SO 5783

SỐ TIỀN : 55.000.000

Số tiền bằng chữ : *Nam mươi lăm triệu đồng chẵn.*

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

*** Trường hợp: Nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng.**

-VD: Ngày 17/12/2009 công ty nộp 200.000.000 vào ngân hàng ACB, công ty đã nhận được giấy báo có của ngân hàng ACB.

- Khi kế toán nộp tiền vào ngân hàng, kế toán nhận được Phiếu thu từ ngân hàng thể hiện số tiền đã nộp cùng bảng sao kê chi tiết giao dịch trong ngày (được ngân hàng gửi vào cuối tháng)

NGÂN HÀNG Á CHÂU PHIẾU THU(NỘP TIỀN)-VND Deposit Slip Số GD :.....
 Asia commercial Bank Ngày/ Date: 17/12/2009 Mã GDV:....

Người nộp tiền/ *Depositor*: Vương Xuân Trường

CMTND/ID/PP No : 031092915. Ngày/*Dated*: 24/9/1997 Nơi cấp: CA HP

Địa chỉ/ *Address*:

Tài khoản ghi có/ *Credit A/C*: Công ty TNHH Việt Chính

Số tài khoản/ *Account No*: 00900574082620

Số tiền bằng chữ/ *In words*: Hai trăm triệu đồng chẵn.

Amount

Bằng số/ *In figures*: **200.000.000**

Loại Deno- tion	Số tờ Q-tity	Số tiền Amt	Loại Deno- tion	Số tờ Q-tity	Số tiền Amt	Loại Deno- tion	Số tờ Q-tity	Số tiền Amt
5.000.000 NP			50.000			2.000		
1.000.000 NP			20.000			1.000		
500.000 NP			10.000			500		
100.000			5.000			200		

Nội dung/ *Details*: Nộp tiền vào tài khoản

Người nộp tiền/ *Depositor*

Giao dịch viên

Kiểm soát

---Orgnbr : 786408

CTY TNHH TM VIET CHINH

Ma so thue: 0200750285

---So nha 12 PHAM HONG THAI

Quan Hong Bang -Tp. Hai Phong

BANG KE GD -TGTT KHTN (TO CHUC)VND Checking 00900574082620

Tu ngay: 01- 12-2009

Den ngay : 31-12-2009

So du dau	+gui vao	(lai nhap von)	- Rut ra	-Phi	So du cuoi
954.720.450	565.000.000	2.234.750	545.723.210		976.231.990

Ngày	Diên giai	Ghi no	Ghi co	So du
1-12	So du dau			954.720.450
			
3-12	CTY CP CTU VA XD HUNG VUONG CT##		41.809.790	895.000.909
4-12	## CTY TNHH VIET CHINH ## THU PHI NHUONG BAN 3 CUON SEC#	-36.000		894.964.909
			
17-12	##VUONG XUAN TRUONG##NOP TK#		200.000.000	953.786.700
18-12	##CT TNHH VIET CHINH TRA TIEN HANG THEO HD SO 0055759#	-168.000.000		767.786.700
18-12	##CT TNHH VIET CHINH##THU PHI KD	-50.400		767.736.300
18-12	##CT TNHH VIET CHINH##THU PHI CT#	-10.000		767.726.300
			
				976.231.990

2.2.2.1. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng và chứng từ kế toán sử dụng.

Các khoản chi chủ yếu của tiền gửi ngân hàng.

- Chi trả tiền mua nguyên liệu, hàng hoá, dịch vụ...
- Chi nộp thuế, phí, lệ phí.
- Chi trả lãi vay
- Chi mua uỷ nhiệm chi, séc, phí chuyển tiền, phí kiểm đếm...
- Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ

***Trường hợp: Mua hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng**

- Khi công ty mua hàng có số tiền thanh toán lớn 20.000.000 trở lên việc thanh toán được thực hiện qua ngân hàng.
- Kế toán trưởng viết Uỷ nhiệm chi, trình lên giám đốc ký duyệt đóng dấu. Sau đó kế toán tiền gửi ngân hàng đến ngân hàng thực hiện lệnh chuyển tiền theo Uỷ nhiệm chi để thanh toán tiền hàng. Khi lệnh chuyển tiền được ngân hàng thực hiện, ngân hàng sẽ gửi cho công ty Sổ phụ kèm theo Giấy báo Nợ hoặc bảng kê giao dịch thể hiện việc chuyển tiền sang tài khoản của khách hàng đã được thực hiện.
- VD: Ngày 18/12/2009 công ty chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho công ty CP Kim Tín theo hoá đơn số 0055759 số tiền 168.000.000.

ACB

ASIA COMMERCIAL BANK

ỦY NHIỆM CHI/PAYMENT ORDER

Ngày/ Date 18/12/2009

Số/ No.

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT

Tên tài khoản/Acct's Name **Công ty TNHH Việt Chính**

Số tài khoản/Acct No 00900574082620 Tại Ngân hàng Á Châu- Chi nhánh/At ACB - Brant Hải Phòng

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY

Đơn vị thụ hưởng/ BENEFICIARY **Cty Cổ phần Kim Tín**

Số tài khoản 030003455706

CMND/Hộ chiếu/ ID CARD/PP No.....Ngày cấp/Date.....Nơi cấp/Place

Tại ngân hàng/Beneficiary's Bank Sacombank Tỉnh, TP/Province, City Hải Phòng

Số tiền bằng chữ/ Amount in Words **Một trăm sáu tám triệu Bằng Số**

đồng chẵn

In figures **168.000.000**

Nội dung/Details : Trả tiền hàng theo hoá đơn số 0055759 cho công ty CP Kim Tín

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

NGÂN HÀNG Á CHÂU

NGÂN HÀNG B

Kế toán trưởng Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

GD viên

KS viên

---Orgnbr : 786408

CTY TNHH TM VIET CHINH

Ma so thue: 0200750285

---So nha 12 PHAM HONG THAI

Quan Hong Bang -Tp. Hai Phong

BANG KE GD -TGTT KHTN (TO CHUC)VND Checking 00900574082620

Tu ngay: 01- 12-2009

Den ngay : 31-12-2009

So du dau	+gui vao	(lai nhap von)	- Rut ra	-Phi	So du cuoi
954.720.450	565.000.000	2.234.750	545.723.210		976.231.990

Ngày	Diên giai	Ghi no	Ghi co	So du
1-12	So du dau			954.720.450
			
3-12	CTY CPCTU VA XD HUNG VUONG CT##		41.809.790	895.000.909
4-12	## CTY TNHH VIET CHINH ## THU PHI NHUONG BAN 3 CUON SEC#	-36.000		894.964.909
			
17-12	##VUONG XUAN TRUONG##NOP TK#		200.000.000	953.786.700
18-12	##CT TNHH VIET CHINH TRA TIEN HANG THEO HD SO 0055759#	-168.000.000		767.786.700
18-12	##CT TNHH VIET CHINH##THU PHI KD	-50.400		767.736.300
18-12	##CT TNHH VIET CHINH##THU PHI CT#	-10.000		767.726.300
			
				976.231.990

***Trường hợp: Công ty thanh toán tiền hàng cho công ty nước ngoài do nhập khẩu hàng về bán.**

- Khi công ty nhập khẩu một số hàng từ nước ngoài về bán hoặc mua hàng từ các khu công nghiệp phải làm tờ khai hải quan hàng nhập khẩu để qua các cửa khẩu hoặc các cảng.

- Hàng nhập khẩu vào trong nước phải có đầy đủ giấy tờ nhập khẩu như hoá đơn bán hàng do bên bán xuất, phiếu xuất kho, giấy chứng nhận xuất xứ hàng bán và một số giấy tờ liên quan khi đã qua các cửa khẩu hoặc các cảng (nếu có) .

- Sau đó công ty đăng ký tờ khai hải quan hàng nhập khẩu với cơ quan thuế để nộp thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

- Hình thức thanh toán dựa vào việc ký kết giữa các bên trong hợp đồng thương mại (có thể trả trước một phần tiền hàng hoặc sau khi nhận đủ hàng mới chuyển khoản thanh toán cho bên bán).

- VD: Ngày 21/12/2009 công ty chuyển khoản 5.800 USD tại ngân hàng TM CP Đông Nam Á trả tiền hàng cho công ty Jiangsu Huayan.

Theo hợp đồng ký kết giữa công ty Jiangsu Huayan và công ty TNHH Việt Chính, công ty TNHH Việt Chính sẽ chuyển khoản thanh toán vào TK của công ty Jiangsu Huayan tại ngân hàng Á Châu chi nhánh Jiangsu, China sau khi nhận được hàng. Hàng khi về đến công ty được kiểm nghiệm đúng quy cách, phẩm chất, số lượng... được công ty chấp nhận, kế toán sẽ tiến hành thủ tục thanh toán. Kế toán trưởng công ty viết Ủy nhiệm chi chuyển tiền tại ngân hàng đã được 2 bên thoả thuận trước trong hợp đồng thương mại. Sau đó đưa lên giám đốc ký duyệt. Kế toán ngân hàng nộp Ủy nhiệm chi cho ngân hàng, ngân hàng làm thủ tục chuyển khoản và gửi cho công ty Sổ phụ kèm theo Giấy báo Nợ, hoá đơn thu phí chuyển tiền... hoặc bảng kê giao dịch thể hiện việc đã chuyển tiền thanh toán tiền hàng của công ty.

SEB
BANK

ỦY NHIỆM CHI/PAYMENT ORDER
Ngày/ Date 21/12/2009

Số/ No.

————— ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT —————

Tên tài khoản/Acct's Name **Công ty TNHH Việt Chính**

Số tài khoản/Acct No 00287514289280 Tại Ngân hàng Đông Nam Á- Chi nhánh/At *SEB - Brant* Hải Phòng

————— ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY —————

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY **Cty Jiangsu Huayan Marine Equipment**

Số tài khoản 0068666679

CMND/Hộ chiếu/ ID CARD/PP No.....Ngày cấp/Date.....Nơi cấp/Place

Tại ngân hàng/Beneficiary's Bank **ACB** Tỉnh, TP/Province, City **Jiangsu, China**

Số tiền bằng chữ/ Amount in Words **Năm nghìn tám trăm USD Bằng Số**

In figures **5.800**

Nội dung/Details: thanh toán tiền hàng cho công ty Jiangsu Huayan

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

NGÂN HÀNG SEB

NGÂN HÀNG B

Ghi số ngày/Post Date...

Ghi số ngày/Post Date...

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

GD viên

KS viên

Chief Accountant Account Holer

Teller

Supervisor

Teller

Manager

NGÂN HÀNG TM CP ĐÔNG NAM Á
CN HAI PHONG
MST:00200253985-003

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN
Từ ngày 21/12/2009 Đến ngày 21/12/2009

Tài khoản: 00287514289280 USD
TGTT VND CT TNHH VIỆT CHÍNH
Số dư đầu 7.432

SỐ CT	GHI NỢ	CHI CÓ	NỘI DUNG
18/12/2009			
TT1005078985	5.800		THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY JIANGSU HUAYAN THEO HOP DONG TM SO 4589

Tổng 5.800
Tổng PS - 5.800
Dư cuối 1.632

KIỂM SOÁT

NGƯỜI LẬP

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
CN HAI PHONG
MST:00200253985-003

Số : FT100507895
Ngày 21/12/2009
Tỷ giá: 17.540

GIẤY BẢO NỢ

TÀI KHOẢN :00287514289280

TGTT USD CT TNHH VIET CHINH

NGUOI CHUYEN: CTY TNHH VIET CHINH

MA VAT 0200750285

NOI DUNG :THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY JIANGSU HUAYAN THEO HD
TM SO 4589

SỐ TIỀN : 5,800.00 USD

Số tiền bằng chữ : *Nam nghìn tam tram USD.*

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
CN HAI PHONG
MST:00200253985-003

GIẤY BÁO NỢ
(Kiêm hoá đơn thu phí)

Số : FT100507896
Ngày 21/12/2009
Tỷ giá: 17.540

TÀI KHOẢN :00287514289280

TGTT USD CT TNHH VIET CHINH

NGUOI CHUYEN: CTY TNHH VIET CHINH

MA VAT 0200750285

NOI DUNG :THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY JIANGSU HUAYAN
THEO HD TM SO 4589

SỐ TIỀN : 4.4 USD

Trong đó:

Phí DV : 4 USD

Thuế VAT: 0.4 USD

Số tiền bằng chữ : *Bon phay bon USD.*

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

***Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng.**

- Để theo dõi chi tiết các khoản tiền gửi tại ngân hàng, kế toán ngân hàng đã mở Sổ tiền gửi ngân hàng chi tiết theo từng ngân hàng và từng loại tiền gửi.
- Công ty mở tài khoản tại 2 ngân hàng: Ngân hàng TM CP Đông Nam Á (TK VND, TK USD) và ngân hàng TM CP Á Châu.
- Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng được kế toán ghi hàng ngày tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ liên quan đến giao dịch qua ngân hàng. Các sổ chi tiết này giúp kế toán ngân hàng theo dõi khoản tiền gửi vào, rút ra, thanh toán, và các giao dịch khác hàng ngày của từng ngân hàng. Kế toán có thể dễ dàng đối chiếu với số liệu, chứng từ và số dư tài khoản ngân hàng gửi đến hàng ngày (hoặc cuối tháng).

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
NGÂN HÀNG TM CP Á CHÂU**

Số hiệu : 1121

Từ ngày 1/12/2009 - Đến ngày 31/12/2009

VND

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK		954.720.450	
				
CTNH 132	17/12/09	Vương Xuân Trường nộp tiền vào TK ngân hàng (ACB)	111	200.000.000	
CTNH 133	18/12/09	Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Cty CP Kim Tín	331		168.000.000
CTNH 134	18/12/09	Phí kiểm đếm	641		50.400
CTNH 135	18/12/09	Phí chuyển tiền	641		10.000
				
CTNH 137	20/12/09	Rút tiền NH ACB nhập quỹ	111		70.000.000
				
CTNH 149	25/12/09	Thu nợ công ty Việt Thành	131	50.000.000	
CTNH 150	25/12/09	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	515	2.234.750	
				
		Cộng PS		567.234.750	545.723.210
		SDCK		976.213.990	

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
NGÂN HÀNG TM CP ĐÔNG NAM Á**

Số hiệu : 1121

Từ ngày 1/12/2009- Đến ngày 31/12/2009

VND

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK		1.161.381.136	
				
CTNH 123	4/12/09	Cty CP XD Việt Thành thanh toán tiền hàng	131	55.000.000	
				
CTNH 127	13/12/09	Chuyển tiền từ TK VND mua 5.000 USD(tỷ giá 17.500 VND/USD)	1122		87.500.000
				
CTNH 141	22/12/09	Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT vào NSNN tại Ngân hàng SEB	333		38.149.500
				
CTNH 157	28/12/09	Bán 7.000USD (tỷ giá ngày GD 17.920 USD/VND) chuyển sang TK VND.	1122	122.710.000	
		-Lãi tỷ giá	515	2.730.000	
				
		Cộng PS		430.098.681	191.954.034
		SDCK		1.399.543.783	

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
NGÂN HÀNG TM CP ĐÔNG NAM Á**

Số hiệu : 1122

Từ ngày 1/12/2009- Đến ngày 31/12/2009

USD

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK (15.236USD*17.620)		268.458.230	
				
CTNH127	13/12/09	Chuyển tiền từ TK VND mua 5.000 USD(tỷ giá 17.500 VND/USD)	1121	87.500.000.	
				
CTNH140	21/12/09	Chuyển tiền thanh toán mua hàng nhập khẩu Trung Quốc (SEB) (5.800USD*17.530) -Phí DV 4 USD -Thuế 0.4 USD	156 641 133		101.674.000 70.120 7.012
				
CTNH157	28/12/09	Bán 7.000USD (tỷ giá ngày GD 17.920 USD/VND)	1121		122.710.000
				
CTNH170	31/12/09	Đánh giá lại số dư ngoại tệ (tỷ giá GDBQLNH 17.472USD/VND)	413		599.720
		Cộng PS		570.897.130	658.694.880
		SDCK (10.340USD*17.472)		180.660.480	

Cuối kỳ kế toán tính tỷ giá ngoại tệ xuất quỹ theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ - tỷ giá ngoại tệ xuất quỹ (17.530USD/VND)

* Sau khi lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng tại từng ngân hàng và chi tiết theo từng loại tiền gửi, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết theo từng loại tiền để làm theo dõi số tiền hiện có tại các ngân hàng vào thời điểm cuối tháng.

Sổ tổng hợp chi tiết này được lập chi tiết theo từng loại tiền, phản ánh tổng hợp số dư đầu tháng của công ty, số phát sinh và số dư tiền tại ngân hàng vào thời điểm cuối tháng mà công ty có.

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 1121- VND

Tháng 12 năm 2009

Ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
ACB	954.720.450		567.234.750	545.723.210	976.231.990	
SEB	1.161.381.136		430.098.681	191.954.034	1.399.525.783	
Cộng	2.116.101.586		997.333.431	737.677.244	2.375.757.773	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 1121- USD

Tháng 12 năm 2009

Ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
SEB	268.458.230		570.897.130	658.694.880	180.660.480	
Cộng	268.458.230		570.897.130	658.694.880	180.660.480	

***Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng.**

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 112. Cuối tháng số dư TK 112 được đối chiếu với số liệu với bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng. Số dư cuối kỳ của TK 112 được lấy để vào bảng cân đối số phát sinh và tổng hợp vào bảng cân đối kế toán của công ty.

(TRÍCH) NHẬT KÝ CHUNG

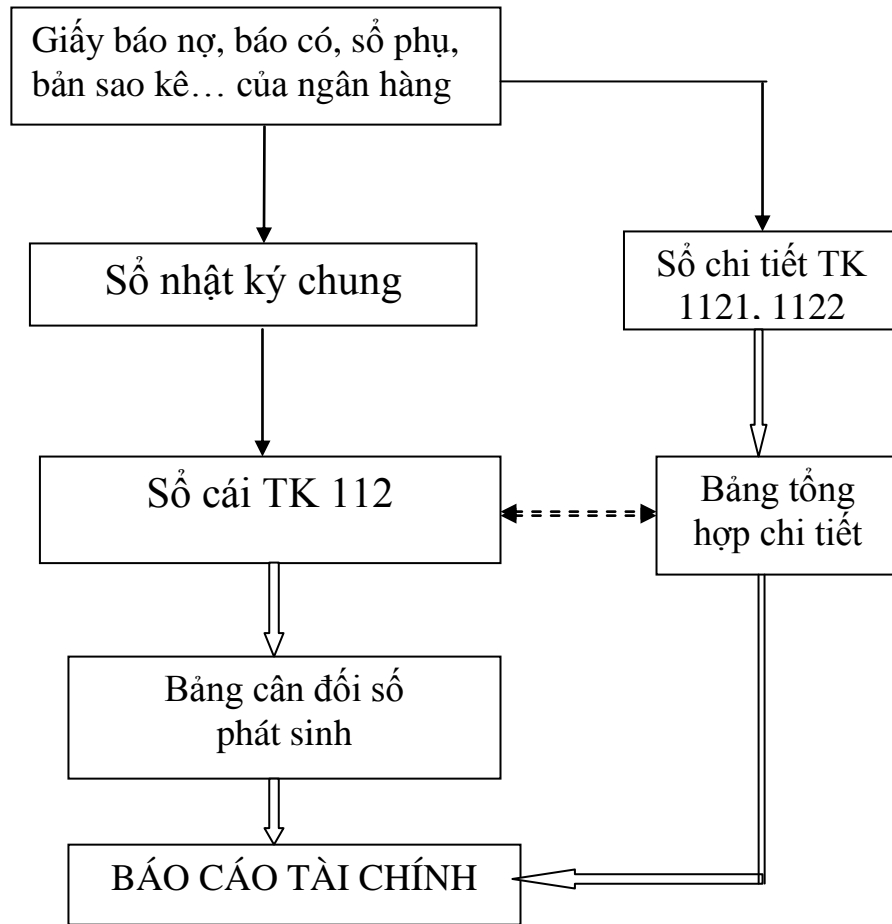
Tháng 12 năm 2009

CT	NTGS	Số HĐ	NỘI DUNG	Nợ	Có	Số tiền
		
CTNH123	4/12/09	5783	Cty CP XD Việt Thành thanh toán tiền hàng (SEB)	1121	131	55.000.000
					
CTNH132	17/12/09		Vương Xuân Trường nộp tiền vào TK ngân hàng (ACB)	1121	111	200.000.000
CTNH 133	18/12/09	55759	Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Cty CP Kim Tín(ACB)	331	1121	168.000.000
CTNH 134	18/12/09		Phí kiểm đếm	641	1121	50.400
CTNH 135	18/12/09		Phí chuyển tiền	641	1121	10.000
					
CTNH 140	21/12/09	4589NK	Chuyển tiền thanh toán mua hàng nhập khẩu Trung Quốc (SEB) (5.800USD*17.530)	156	1122	101.674.000
			-Phí DV 4 USD	641	1122	70.120
			-Thuế 0.4 USD	133	1122	7.012
					
BLTT	21/12/09		Thuế nhập khẩu của hàng nhập khẩu TQ (25%)	156	3333	25.433.000
BLTT	21/12/09		Thuế GTGT của hàng nhập khẩu	1331	3331	12.716.500
CTNH 141	22/12/09		Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT vào NSNN tại Ngân hàng SEB	333	1121	38.149.500
					
CTNH 150	25/12/09		Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	1121	515	2.234.750
					
			Cộng trang số			8.380.500.620

**(TRÍCH) SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 112
Tháng 12 năm 2009**

Chứng từ		Số HĐ	Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			SDDK		2.384.559.816	
					
CTNH 123	4/12/09	5783	Cty CP XD Việt Thành thanh toán tiền hàng (SEB)	131	55.000.000	
					
CTNH 132	17/12/09		Vương Xuân Trường nộp tiền vào TK ngân hàng (ACB)	111	200.000.000	
CTNH 133	18/12/09	55759	Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Cty CP Kim Tín (ACB)	331		168.000.000
CTNH 134	18/12/09		phí kiểm đếm	641		50.400
CTNH 135	18/12/09		Phí chuyển tiền	641		10.000
					
CTNH 140	21/12/09	4589 NK	Chuyển tiền thanh toán mua hàng nhập khẩu Trung Quốc (SEB) (5.800USD*17.540) -Phí DV 4 USD -Thuế 0.4 USD	156 641 133		101.674.000 70.120 7.012
					
CTNH 141	22/12/09		Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT vào NSNN tại Ngân hàng SEB	333		38.149.500
					
CTNH 150	25/12/09		Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	515	2.234.750	
					
			Cộng PS		1.568.230.561	1.396.372.124
			SDCK		2.556.418.253	

***Sơ đồ hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Việt Chính.**



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra cuối tháng: \longleftrightarrow

- Hàng ngày cập nhật từ uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ, giấy báo có kế toán ngân hàng ghi vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 1121, TK 1122. Đến cuối kỳ kế toán tập hợp lại và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập báo cáo tài chính.

- Từ sổ chi tiết TK 1121, TK 1122 kế toán tập hợp lại và lập bảng tổng hợp chi tiết vào cuối tháng rồi đối chiếu với Sổ Cái TK112.

CHƯƠNG 3 :

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT CHÍNH.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty TNHH Việt Chính .

3.1.1. Ưu điểm.

Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty TNHH Việt Chính đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý kinh doanh của công ty trong điều kiện hiện nay, cụ thể :

1. Bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh. Đặc biệt công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

2. Hình thức kế toán :

Với hệ thống kế toán ban hành công ty đã vận dụng vào thực tế trong hạch toán kế toán của công ty. Hình thức kế toán Nhật ký chung được áp dụng trong công tác kế toán là hợp lí và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Hình thức này hạn chế được lượng lớn sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, củng cố thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác của các nhân viên trong công ty .

3. Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ :

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lí, rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận tiện cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ

chức hệ thống báo tài chính và báo cáo thống kê nội bộ kịp thời đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng .

4. Sổ sách kế toán: Kế toán đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như Sổ quỹ tiền mặt, Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 111, 112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các sổ sách có tính đối chiếu cao đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh.

5. Trong hạch toán kế toán: Kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ được ghi chép theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện chi việc theo dõi.

- Hạch toán tiền mặt: Việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu số liệu được ghi ở phiếu thu, phiếu chi với sổ quỹ tiền mặt được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác.

- Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có, bảng sao kê cũng giúp cho kế toán theo dõi, so sánh số liệu với số tiền gửi ngân hàng để quản lý lượng tiền gửi được tốt, phát hiện chênh lệch nếu có.

- Hạch toán ngoại tệ: Do tiền gửi ngân hàng của công ty được gửi hết vào ngân hàng nên việc theo dõi, hạch toán ngoại tệ của công ty cũng gặp nhiều thuận tiện. Cuối kỳ công ty cũng đã đánh giá lại chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng vào ngày 31/12 xác định lỗ, lãi tỷ giá, so sánh số chênh lệch giữa giấy báo số dư ngoại tệ cuối kỳ với số dư trên sổ kế toán tiền gửi ngân hàng.

6. Cập nhật thông tin : Các kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính về công tác hạch toán kế toán đặc biệt trong công tác kế toán vốn bằng tiền.

3.2.2. Hạn chế .

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty còn một số hạn chế sau:

1. Chứng từ, sổ sách:

* Công ty chưa sử dụng một sổ chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như : Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán là căn cứ để lập phiếu thu, phiếu chi để hạch toán các khoản thu, chi của công ty.

* Nhật ký chung, Sổ cái của công ty chưa đúng mẫu theo quy định của chế độ kế toán.

* Trong sổ tiền gửi ngân hàng của công ty không có cột số dư, nên khó có thể theo dõi số dư tài khoản tiền gửi từng ngày so với ngân hàng.

2.Chưa mở Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền).

Hình thức kế toán đang làm tại công ty vẫn là kế toán thủ công, khối lượng nghiệp vụ phát sinh liên quan tới tiền ngày càng nhiều, việc ghi sổ Nhật ký chung đôi khi cũng mất nhiều thời gian cho kế toán. Kế toán nên lập sổ Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền) sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu liên quan tới vốn bằng tiền của công ty.

3.Hình thức thanh toán:

Một số khoản tiền hàng lớn doanh nghiệp còn thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt. Theo luật thuế giá trị gia tăng các khoản chi mua hàng nếu vượt quá 20.000.000 nếu không thanh toán qua ngân hàng và có chứng từ hợp lệ công ty sẽ không được khấu trừ thuế đầu vào cho công ty, như vậy công ty sẽ phải chịu thêm khoản thuế đầu vào làm phát sinh thêm chi phí tương đối lớn làm giảm lợi nhuận của công ty.

4. Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:

Mặc dù công ty hiện nay có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsof Exel song khi quá trình kinh doanh của công ty ngày càng phát triển, hàng ngày công ty nhập, xuất hàng với số lượng lớn nhiều loại hàng hoá, vật tư và các nghiệp vụ thu, chi tiền diễn ra cũng nhiều với số tiền lớn thì đối với công tác kế toán đây chưa phải là phần ứng dụng có thể lại hiệu quả tối ưu. Mỗi kế toán phải làm một phần hành riêng biệt và hàng ngày, hàng tháng,... phải đối chiếu với nhau gây mất thời gian và đôi khi xảy ra nhầm lẫn cũng khó phát hiện nguyên nhân thuộc bộ phận nào.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty, trên cơ sở nhận thấy một số hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán và đặc biệt là phần hành kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.

* **Biên lai thu tiền:** là giấy biên nhận của công ty hoặc các nhân đã thu tiền hoặc séc của người nộp làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp thanh toán với cơ quan hoặc lưu quỹ. Việc sử dụng biên lai thu tiền thuận tiện cho thủ quỹ và kế toán xác định khoản tiền thực đã thu.

Đơn vị : Công ty TNHH Việt Chính
Địa chỉ: 12 Phạm Hồng Thái- HB- HP

Mẫu số: 06-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BT)
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

BIÊN LAI THU TIỀN

Ngày....tháng....năm.....

Quyển số:.....

Số:.....

- Họ và tên người nộp:.....

- Địa chỉ:.....

- Nội dung thu:

.....

- Số tiền thu:.....(Viết bằng chữ).....

.....

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

* **Giấy đề nghị thanh toán:** dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ gốc (nếu có) để làm thủ tục thanh toán, làm căn cứ thanh toán và ghi sổ kế toán.

Đơn vị : Công ty TNHH Việt Chính
Địa chỉ: 12 Phạm Hồng Thái- HB- HP

Mẫu số: 06-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BT)
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày....tháng....năm....

Kính gửi.....

-Họ tên người đề nghị thanh toán:.....

-Bộ phận:.....

-Nội dung thanh toán:.....

-Số tiền:.....(Viết bằng chữ).....

(Kèm theo..... chứng từ gốc)

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

* **Nhật ký chung** của công ty nên đúng mẫu và cách ghi chép để thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày và thuận tiện cho việc ghi sổ.

(TRÍCH) NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		NỘI DUNG	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	CT	NT GS					Nợ	Có
2/12	PC 1025	2/12	Tiền thanh toán			111		15.000.000
							
4/12	PT 1224	4/12	Thu tiền bán hàng cty Quang Thắng			111	11.825.000	
4/12	PT 1224	4/12	DT bán hàng			511		10.750.000
4/12	PT 1224	4/12	VAT đầu ra			3331		1.075.000
							
16/12	HD 84446	16/12	Bán hàng cho cty CP XD Việt Thành			131	16.316.300	
16/12	HD 84446	16/12	DT bán hàng			511		14.833.000
16/12	HD 84446	16/12	VAT đầu ra			3331		1.483.300
							
25/12	PT 1279	25/12	Thu tiền bán hàng cty CP XD Việt Thành			111	16.316.300	
						131		16.316.300
25/12	PC 1030	25/12	Mua hàng CT TNHH Thanh Quang			156	5.862.500	
25/12	PC 1030	25/12	VAT đầu vào			133	586.250	
25/12	PC 1030	25/12	Tiền thanh toán			111		6.448.750
							
			Cộng trang sổ				8.380.500.620	8.380.500.620

*Sổ cái các TK nên đúng mẫu .

(TRÍCH)SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 112
Tháng 12 năm 2009

NT GS	Chứng từ		Nội dung	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Đòng		Nợ	Có
			SDDK				2.384.559.816	
							
4/12	CTNH 123	4/12	Cty CP XD Việt Thành thanh toán tiền hàng (SEB)			131	55.000.000	
							
17/12	CTNH 132	17/12	Vương Xuân Trường nộp tiền vào TK ngân hàng (ACB)			111	200.000.000	
18/12	CTNH 133	18/12	Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Cty CP Kim Tín (ACB)			331		168.000.000
18/12	CTNH 134	18/12	Phí kiểm đếm			641		50.400
18/12	CTNH 135	18/12	Phí chuyển tiền			641		10.000
							
21/12	CTNH 140	21/12	Chuyển tiền thanh toán mua hàng nhập khẩu Trung Quốc (SEB) (5.800USD*17.530) -Phí DV 4 USD -Thuế 0.4 USD			156 641 133		101.674.000 70.120 7.012
							
22/12	CTNH 141	22/12	Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT vào NSNN tại Ngân hàng SEB			333		38.149.500
							
25/12	CTNH 150	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB			515	2.234.750	
							
			Cộng PS				1.568.230.561	1.396.372.124
			SDCK				2.556.418.523	

* **Sổ tiền gửi ngân hàng của công ty** nên có thêm cột số dư để có thể đối chiếu với bảng kê giao dịch, sổ phụ...tiền gửi ngân hàng hàng ngày để có thể đối chiếu trực tiếp với số dư hàng ngày tại TK tiền gửi ngân hàng đồng thời tránh sai sót nhầm lẫn trong hạch toán tiền gửi ngân hàng tại doanh nghiệp.

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
NGÂN HÀNG TM CP Á CHÂU**

Số hiệu : 1121

Từ ngày 1/12/2009 - Đến ngày 31/12/2009

VND

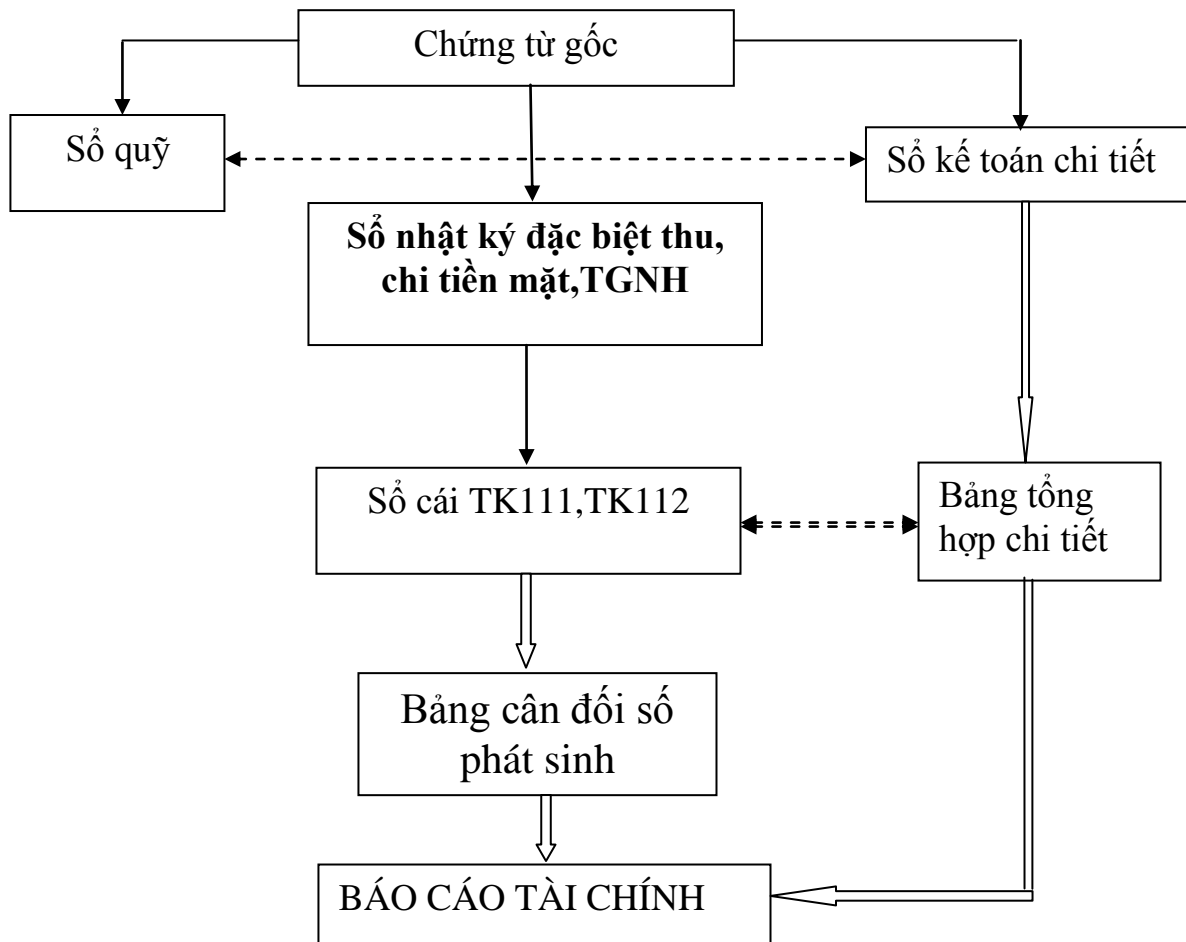
Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền		
SH	NT			Nợ	Có	Số dư
		SDDK				954.720.450
					
CTNH 132	17/12/09	Vương Xuân Trường nộp tiền vào TK ngân hàng (ACB)	111	200.000.000		953.786.700
CTNH 133	18/12/09	Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Cty CP Kim Tín	331		168.000.000	767.786.700
CTNH 134	18/12/09	phí kiểm đếm	642.1		50.400	767.837.100
CTNH 135	18/12/09	Phí chuyển tiền	642.1		10.000	767.847.100
					
CTNH 137	20/12/09	Rút tiền NH ACB nhập quỹ	111		70.000.000	689.098.554
					
CT NH149	25/12/09	Thu nợ công ty Việt Thành	131	50.000.000		870.986.213
CTNH 150	25/12/09	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	515	2.234.750		873.220.963
					
		Cộng PS		567.234.750	545.723.210	
		SDCK				976.231.990

* Do các đặc thù của công ty là công ty thương mại nên các nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền hàng ngày của công ty tương đối nhiều, kế toán nên mở Nhật ký đặc biệt (nhật ký thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng) để liệt kê các khoản tiền thu, chi hàng ngày đồng thời ghi sổ kế toán được nhanh chóng, giảm bớt khối lượng công kênh công việc kế toán do phải ghi sổ nhiều, giúp kế toán tập trung có thể lập kế hoạch kinh doanh tư vấn tài chính cho giám đốc.

+ Đối với nhật ký thu tiền: hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc thu tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK 111 thể hiện phát sinh tăng tiền mặt trong tháng của công ty.

+ Đối với nhật ký chi tiền: hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc chi tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK 111 thể hiện phát sinh giảm trong tháng của công ty.

*Sơ đồ kế toán (khi mở nhật ký đặc biệt) :



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra hàng ngày: \longleftrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra cuối tháng: \longleftrightarrow

- Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh dựa vào các chứng từ gốc (phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, bảng kê giao dịch...) các khoản thu, chi được kế toán ghi vào nhật ký đặc biệt (nhật ký thu, chi tiền). Cuối tháng lấy số liệu trên các cột “Cộng trang sổ” hàng ngang của các TK để lập sổ cái TK 111, TK 112 và các TK liên quan khác. Việc lập sổ Nhật ký đặc biệt rất đơn giản đồng thời giảm được khối lượng công việc kế toán phải ghi chép nhiều mà vẫn đảm bảo tính chính xác khi lấy số liệu để lập các báo cáo tài chính, tiết kiệm thời gian cho các kế toán rất nhiều.

3.2.2. Hoàn thiện về hình thức thanh toán.

- Việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng nên được sử dụng một cách triệt để, đặc biệt đối với các khoản chi trả tiền hàng từ 20.000.000 trở lên công ty nên thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản. Việc thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo tính an toàn cũng như khả năng sinh lời của quỹ đồng thời tránh việc công ty không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng, làm gia tăng chi phí phát sinh của công ty.

- Kế toán chưa tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ, do đó không xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán.

- Công ty có một số bạn hàng nước ngoài, việc dùng ngoại tệ thanh toán được diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên việc mở TK ngoại tệ tại 1 ngân hàng mà lượng ngoại tệ dự trữ còn ít nên đôi khi giá ngoại tệ tăng lên công ty phải mua nhiều để thanh toán tiền hàng. Do vậy công ty cũng nên dự trữ nhiều ngoại tệ để thuận tiện cho việc chi trả tiền hàng nhập khẩu từ nước ngoài.

3.2.3. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.

- Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi bàn giao quỹ để xác định chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế so với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ, đảm bảo tính chính xác.

- Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán là thành viên. Trước khi kiểm kê phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

- Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo giám đốc xem xét. Khi tiến hành kiểm kê quỹ ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản: 1 bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Đơn vị:.....

Mẫu số: 08a-TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VND)

Hôm nay, vào.....giờ.....tháng.....năm.....

Số:.....

Chúng tôi gồm:

-Ông/ Bà:..... đại diện kế toán

-Ông/ Bà:..... đại diện thủ quỹ

-Ông/ Bà:..... đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế:	x
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5	- Loại		
		
III	Chênh lệch(III=I- II)	x	-

-Lý do: + Thừa:.....

+Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.3.4. Hoàn thiện công tác quản lý vốn.

Công ty còn bị một số khách hàng khi mua hàng nợ lâu không trả dẫn đến vốn của công ty bị chiếm dụng trong thời gian dài, ảnh hưởng tới nguồn thu của công ty. Để khắc phục tình trạng bị chiếm dụng vốn như hiện nay kế toán phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên tình hình thu hồi các khoản nợ và thanh toán các khoản nợ trong kỳ. Đồng thời công ty cần đưa ra một số biện pháp nhằm thu hồi tiền bán hàng nhanh như: chiết khấu thanh toán cho khách hàng trong thời gian thanh toán ngắn, phạt khi khách hàng nợ quá hạn (Công ty phải nêu trong hợp đồng bán hàng), hoặc chỉ xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng khi nhận đủ tiền hàng...hay chiết khấu với phần trăm cao khi công ty khác mua hàng với số lượng lớn mà thanh toán ngay vừa hạn chế được việc nợ lâu mà công ty cũng bán được nhiều hàng, tránh tình trạng bị công ty khác chiếm dụng vốn trong kinh doanh.

3.3.5. Hoàn thiện nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Việc chi các khoản tiền chi phí dồn vào cuối tháng như trả lương, thuê cửa hàng, tiền điện, nước, hội họp, tiếp khách, liên hoan, chi phí bán hàng, quản lý... cần lượng tiền mặt lớn phải chi ảnh hưởng lớn tới dòng tiền ra của doanh nghiệp. Do vậy cần có biện pháp hợp lý để nhằm giảm lượng chi tiền mặt cuối kỳ của doanh nghiệp như trả lương làm hai đợt: giữa tháng và gần cuối tháng, tránh những phát sinh không cần thiết như tiếp khách, hội họp, mua tài sản không sử dụng cho mục đích kinh doanh.

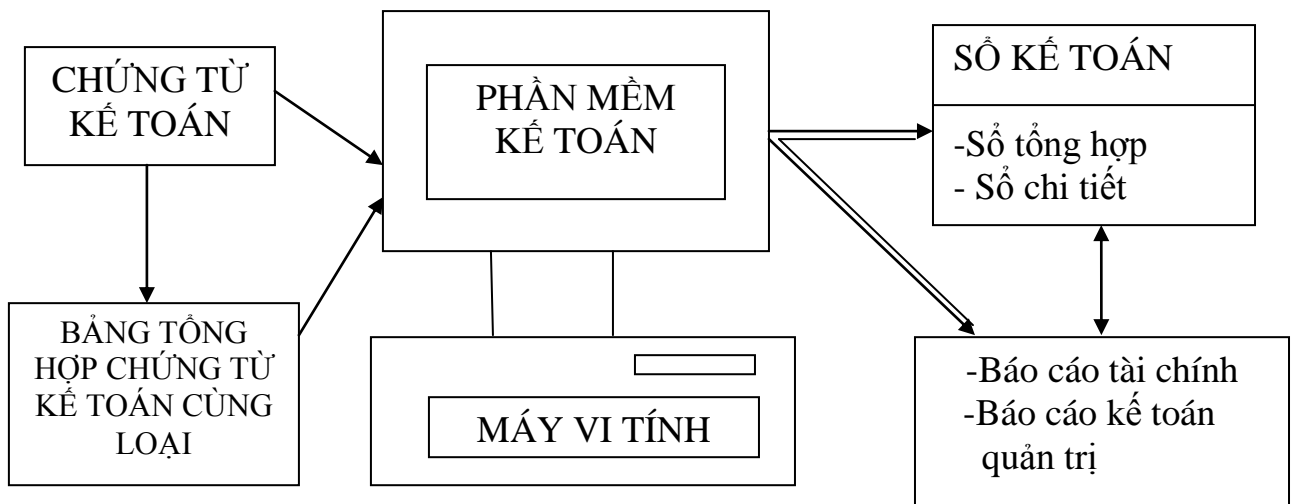
Bên cạnh đó thì việc dùng tiền gửi ngân hàng chỉ trong việc thanh toán mà công ty không chuyển sang gửi có kỳ hạn, vì nếu gửi có kỳ hạn thì lãi suất của ngân hàng sẽ cao hơn.

3.3.6. Việc ứng dụng phần mềm trong công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Hiện nay công nghệ thông tin phát triển, ngày càng có nhiều phần mềm kế toán đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng công việc kế toán mà vẫn giữ được bảo mật thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán góp phần hiện đại hoá và nâng cao công tác quản lý tiết kiệm thời gian, nguồn nhân lực cho công ty, giảm áp lực trong công tác kế toán, giảm nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra, 1 kế toán có

thể đảm nhận nhiều phân hành kế toán, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu. Từ đó tạo điều kiện cho kế toán tập chung vào công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, tư vấn tài chính, lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp, nâng cao công tác kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Khi sử dụng phần mềm kế toán hàng ngày các kế toán viên chỉ việc nhập số liệu vào máy tính, máy tính sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ và ghi các sổ liên quan theo hình thức Nhật ký chung. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm sẽ tự động lập bảng tổng hợp và báo cáo cần thiết.

- Để sử dụng phần mềm kế toán công ty cần lựa chọn phần mềm và các nhà cung cấp cho phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty, nhiều phần mềm có thể kết hợp giữa nhập số liệu bán hàng với xử lý thông tin kế toán.

- Bên cạnh đó công ty cũng cần đầu tư cho đào tạo nhân viên kế toán học cách sử dụng phần mềm thành thạo.

- Bộ phận kế toán cần lên các phân hệ kế toán như : kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương,...; tạo danh mục mã hoá cho các đối tượng như tài khoản công ty sử dụng, tài khoản con, danh mục hàng hoá, danh mục khách hàng, danh mục các nhà cung cấp, ...
- Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp công ty có thể quản lý tốt việc sử dụng vốn bằng tiền. Kế toán chỉ cần nhập dữ liệu bán hàng,...phần mềm sẽ tự động lập phiếu thu, phiếu chi, vào sổ chi tiết hàng ngày, thuận tiện cho việc kiểm tra số liệu bất cứ lúc nào cần, điều này hạn chế rất nhiều sai sót trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Từ những tìm hiểu và nghiên cứu về lý luận chung cũng như thực tế của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính ở trên ta có thể khẳng định kế toán vốn bằng tiền là một phần rất quan trọng trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Để đứng vững và phát triển là là một vấn đề hết sức khó khăn đối với doanh nghiệp, vì vậy các doanh nghiệp cần phải chú trọng đến công tác hạch toán vốn bằng tiền, công tác hạch toán vốn bằng tiền có được đầy đủ, chính xác kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp tạo điều kiện cho các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác về đầu tư vốn.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Việt Chính đã giúp em nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Việt Chính từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát đến luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quy trình thanh toán, xác định kết quả kinh doanh... và đặc biệt đi sâu vào công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty. Từ đó giúp em có cơ sở để đối chiếu lý luận với thực tế để bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng làm việc của kế toán và đặc biệt là thực hiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.

Em xin chân thành cảm ơn và mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo cùng các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Đoàn Thị Hằng

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	1
Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	3
1.1.Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền.....	3
1.1.2. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.3. Nhiệm vụ vốn bằng tiền.....	3
1.1.4.Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	4
1.1.5. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.....	4
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ.....	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.....	5
1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ.....	6
1.2.3. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.4.Phương pháp hạch toán	8
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	17
1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng.....	17
1.3.2.Chứng từ sử dụng.....	18
1.3.3 .Tài khoản sử dụng.....	18
1.3.4.Phương pháp hạch toán	19
1.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	27
1.4.1. Chứng từ sử dụng.....	27
1.4.2.Tài khoản sử dụng.....	27
1.4.3. Phương pháp hạch toán.....	28
1.5. Các sổ kế toán sử dụng liên quan tới kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung.....	31
Chương 2:Thực trạng tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.....	32
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Việt Chính.....	32
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Việt Chính.....	32
2.1.2. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tại công ty TNHH Việt Chính.....	39
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại công ty.....	39
2.1.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	60
Chương 3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.....	80
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.2.2. Hạn chế.....	81
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Chính.....	83
Kết luận.....	95